

PHỤ LỤC I

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG THEO TỪNG TIÊU CHÍ NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Báo cáo số 4518/BC-TĐHHN ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí <i>(trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KDCLGD <i>(Đạt/Chưa đạt; mức)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KDCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện <i>(bắt đầu và hoàn thành)</i>	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1							
Tiêu chí 1.1	Đạt, 4	CTĐT nên có những mục tiêu đào tạo cụ thể liên quan đến việc hỗ trợ cho lĩnh vực TNMT.	Đã rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT liên quan đến lĩnh vực TNMT (MCGK.01.01.01 - 03)	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT bám sát mục tiêu, chiến lược của Nhà trường về lĩnh vực TNMT.	Khoa CNTT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	
		Cần xây dựng các mục tiêu đào tạo cụ thể đáp ứng hiệu quả cho các nhu cầu xã hội về CNTT trong tương lai, bắt kịp các định hướng quan trọng về CNTT của thời đại.	Các báo cáo dự báo nhu cầu nhân lực IT, báo cáo khảo sát, phân tích, đánh giá, tổng hợp ý kiến các bên liên quan, đã điều chỉnh mục tiêu của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, định hướng theo CMCN 4.0 (MCGK.01.01.01-05)	Tiếp tục khảo sát, dự báo nhu cầu nhân lực CNTT, khảo sát và lấy ý kiến các bên liên quan, để điều chỉnh mục tiêu của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, định hướng theo CMCN 4.0	Khoa CNTT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	
		Cần rà soát lại các thông tin đăng tải trên Website, công bố rộng rãi mục tiêu của CTĐT	Đã rà soát, cập nhật thông tin trên Website, đa dạng hóa các hình thức công bố mục tiêu, CĐR của CTĐT đến các bên liên quan (MCGK.01.01.06)	Tiếp tục rà soát, cập nhật thông tin trên Website, đa dạng hóa các hình thức công bố mục tiêu, CĐR của CTĐT đến các bên liên quan.	Khoa CNTT	Thường xuyên	

Tiêu chí 1.2	Đạt; 4	Cần rà soát kỹ các CĐR CTĐT và phải đảm bảo nguyên tắc đo lường đánh giá được.	Nhà trường đã ban hành các Hướng dẫn đo lường và đánh giá mức độ đạt CĐR đối với học phần và CTĐT của người học đạt CĐR CTĐT. Ban hành hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. (MCGK.01.02.01 MCGK.01.02.02)	Tiếp tục rà soát các CĐR của CTĐT để đảm bảo quy tắc đo lường đánh giá.	Khoa CNTT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	
		Cần đưa ma trận chứng minh các CĐR đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về Kiến thức, Kỹ năng, Năng lực tự chủ và trách nhiệm.	Đã xây dựng và đưa ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, đưa ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với CĐR của học phần. (MCGK.01.02.03 MCGK.01.02.04)	Rà soát các ma trận thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với CĐR của học phần.	Khoa CNTT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	
Tiêu chí 1.3	Chưa đạt, 3	CTĐT nên điều chỉnh bổ sung CĐR liên quan đến tư duy khởi nghiệp. Cần đảm bảo rà soát CTĐT ít nhất 1 lần trong 2 năm. Cần đẩy mạnh nâng cao chất lượng đào tạo về ngoại ngữ đáp ứng cho ngành.	Nhà trường ban hành các kế hoạch cải tiến, điều chỉnh, cập nhật CTĐT. Các báo cáo khảo sát, phân tích, đánh giá, tổng hợp và lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh CĐR của CTĐT, tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng ngoại ngữ, tư duy khởi nghiệp cho người học để đáp ứng cho nhu cầu của xã hội. (MCGK.01.03.01-07)	Tiếp tục khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội theo CMCN 4.0.	Khoa CNTT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	

		Cần đa dạng hóa các hình thức công bố CĐR của CTĐT theo từng năm tuyển sinh.	Đã rà soát và công bố CĐR của CTĐT theo từng năm tuyển sinh trên website của Trường, của Khoa. (MCGK.01.03.08)	Tiếp tục rà soát, công bố rộng rãi CĐR của CTĐT theo từng năm tuyển sinh để đảm bảo tính ổn định của CTĐT.	Khoa CNTT	Thường xuyên hàng năm	
Tiêu chuẩn 2							
Tiêu chí 2.1	Đạt, 4	Nhà trường nên ban hành bản mô tả CTĐT phục vụ cho các SV theo từng khóa tuyển sinh theo từng năm vì đây là thông tin cơ bản quan trọng công bố công khai trên website phục vụ công tác đào tạo cũng như tuyển sinh.	Nhà trường đã ban hành CTĐT theo từng khóa tuyển sinh và công bố công khai trên website của Khoa. (MCGK.02.01.01, MCGK.02.01.02)	Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT theo đúng kế hoạch 2 năm/lần.	Phòng Đào tạo, Khoa CNTT	Giai đoạn 2025-2026	
		Nhà trường nên xem xét rà soát kỹ lại một số thông tin trong bản mô tả CTĐT như cây CTĐT hay sơ đồ giảng dạy của các học phần, thông tin hướng dẫn về PPGD và học tập, kỹ thuật KTĐG.	Năm 2024 Nhà trường đã cập nhật lại CTĐT, trong đó mô tả rõ sơ đồ giảng dạy của các học phần; mô tả rõ thông tin hướng dẫn về PPGD và học tập, kỹ thuật KTĐG trong các ĐCCT. Trong ĐCCT cũng đã mô tả cụ thể những tài nguyên cần thiết phục vụ cho từng học phần. (MCGK.02.01.01, MCGK.02.01.02)	Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT theo đúng kế hoạch 2 năm/lần.	Phòng Đào tạo, Khoa CNTT	Giai đoạn 2025-2026	
		Nhà trường nên đầu tư nguồn lực, chú trọng hơn nữa đến việc bồi dưỡng tập huấn cho các cán bộ quản lý chuyên môn và các GV về kỹ năng xây dựng, phát triển CTĐT và đào tạo theo CĐR. Trong bản mô tả CTĐT nên thể hiện rõ các phần mềm và phần cứng cụ thể phục vụ cho đào tạo đổi	Nhà trường đã mời chuyên gia tập huấn xây dựng, phát triển CTĐT cho toàn bộ CBGV tham gia phát triển CTĐT. (MCGK.02.01.01, MCGK.02.01.02)	Nhà trường sẽ tiếp tục mời chuyên gia tập huấn về việc xây dựng, phát triển CTĐT cho toàn bộ CBGV tham gia phát triển CTĐT.	Phòng Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	

		với CTĐT ngành CNTT.					
Tiêu chí 2.2	Chưa đạt, 3	Nhà trường cần giám sát, cải tiến hoạt động giảng dạy và KTĐG, đảm bảo GV tuân thủ ĐCCT, CĐR đo lường được và phù hợp với CĐR học phần, CTĐT. Nội dung KTĐG cần thiết kế đúng với CĐR học phần.	Nhà trường hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đo lường đánh giá KQHT của người học theo CĐR đối với các học phần tại Trường ĐHTN&MT HN, điều này được thể hiện trong ĐCCT. (MCGK.02.02.01, MCGK.02.02.02, MCGK.02.02.04)	Tiếp tục rà soát, cập nhật ĐCCT đáp ứng được CĐR của CTĐT, cập nhật nội dung cũng như các phương pháp kiểm tra, đánh giá các ĐCCT trong bối cảnh CMCN 4.0	Phòng KT&ĐBCL GD, Khoa CNTT	Thường xuyên	
Tiêu chí 2.3	Đạt, 4	Nhà trường cần xây dựng và công bố công khai các bản mô tả CTĐT của từng năm trên website và các kênh truyền thông phù hợp cho các bên liên quan được biết. Thông tin công bố trên website cần đảm bảo độ chính xác.	Thực hiện phổ biến, công khai CTĐT đến các bên liên quan qua trang Web của Nhà trường, của Khoa; (MCGK.02.03.02, MCGK.02.03.03)	Nhà trường tiếp tục phổ biến, công khai CTĐT đến các bên liên quan qua trang Web của Nhà trường, của Khoa;	Khoa CNTT	Thường xuyên	
		Cần đa dạng hóa phương án tiếp cận nhà SDLĐ, tổ chức xã hội, cựu SV để phổ biến thông tin về CTĐT và năng lực người học, đồng thời thu nhận phản hồi góp ý cho sự phát triển CTĐT.	Thực hiện phổ biến, công khai CTĐT đến các bên liên quan. Mời các chuyên gia đánh giá, góp ý về sự cập nhật, đổi mới của CTĐT, CĐR của người học tốt nghiệp; về các phương pháp dạy học. (MCGK.02.03.01, MCGK.02.03.02)	Tiếp tục triển khai đa dạng các hình thức phổ biến, công khai CTĐT đến các bên liên quan.	Khoa CNTT	Thường xuyên	
		Nhà trường cần quán triệt để SV nắm được ý nghĩa và tầm quan trọng của bản mô tả CTĐT để SV đọc và nắm vững các thông tin trong bản mô tả CTĐT.	Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. (MCGK.02.03.01, MCGK.02.03.02)	Tiếp tục phổ biến về bản mô tả CTĐT đến sinh viên thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.	Khoa CNTT	Tháng 9, 10 hằng năm	
Tiêu chuẩn 3							

Tiêu chí 3.1	Đạt, 4	Nhà trường cần đảm bảo chính xác thông tin CTDH, rà soát quy trình thiết kế dựa trên CDR và chỉ báo PI để xây dựng ma trận kỹ năng, đo lường CDR của sinh viên, và lập kế hoạch đánh giá CDR cho từng khóa tuyển sinh theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT.	Khoa CNTT đã rà soát và điều chỉnh CTĐT theo CDR và chỉ báo PI để đánh giá sinh viên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu tốt nghiệp theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, đồng thời thực hiện nghiêm kế hoạch đo lường CDR của nhà trường. (MCGK.03.01.01 - MCGK.03.01.11)	Lấy ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối để điều chỉnh nội dung CTĐT theo CDR của CTĐT và CDR của từng học phần.	Khoa CNTT	Hàng năm	
Tiêu chí 3.2	Chưa đạt, 3	Nhà trường cần đảm bảo độ tin cậy của ma trận kỹ năng bằng cách sử dụng mức độ đóng góp I, M, F thay cho 1, 2, 3 để liên kết rõ ràng CDR học phần và CDR CTĐT. Đồng thời, tổ chức hướng dẫn cho giảng viên nắm rõ CDR trước khi viết ĐCCT học phần.	CTĐT ngành CNTT đã cập nhật theo định hướng CDIO, đảm bảo ma trận kỹ năng và liên kết CDR. Khoa CNTT thường cử cán bộ tham gia hướng dẫn để nắm rõ CDR trước khi viết ĐCCT. (MCGK.03.02.01, MCGK.03.02.02)	Lấy ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối để cập nhật mức độ đóng góp của từng học phần vào việc thực hiện CDR và từ đó hoàn thiện bảng ma trận CDR của ngành CNTT	Khoa CNTT	Định kỳ rà soát theo kế hoạch của Nhà trường	
Tiêu chí 3.3	Đạt, 4	Nhà trường nên tổ chức dạy học linh hoạt hơn với tín chỉ tự chọn, giúp sinh viên học theo khả năng và sở thích, học vượt hoặc chậm tùy điều kiện cá nhân, và cần định kỳ rà soát CTĐT. Khoa CNTT cần cập nhật nội dung học phần theo xu hướng hiện đại.	Nhà trường tổ chức học lại, cải thiện cho SV, hỗ trợ tư vấn môn học, thời gian, và cho phép đăng ký học vượt hoặc rút tín chỉ. Khoa CNTT định kỳ cập nhật CTĐT theo xu hướng hiện đại như AI, Blockchain, IoT. (MCGK.03.03.06 - MCGK.03.03.10)	Lấy ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối để cập nhật, điều chỉnh cấu trúc CTĐT và ĐCCT học phần và hoàn thiện hơn về cấu trúc và logic của CTĐT.	Khoa CNTT	Thường xuyên hàng năm	
		Nhà trường nên có hướng dẫn đối sánh CTĐT để đảm bảo chất lượng.	Nhà trường đã ban hành hướng dẫn đối sánh CTĐT để đạt hiệu quả cao. (MCGK.03.03.11)	Nhà trường tiếp tục thực hiện so chuẩn, đối sánh hàng năm để phục vụ điều chỉnh CTĐT cho phù hợp.	Khoa CNTT	Thường xuyên hàng năm	

Tiêu chuẩn 4							
Tiêu chí 4.1	Đạt, 4	Triết lý giáo dục nên được ban hành chính thức dưới dạng văn bản và phổ biến rộng rãi để tất cả cán bộ GV, người học trong khoa đều biết và chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động giảng dạy - học tập.	Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được ban hành, được phổ biến rộng rãi trên website của trường và các tài liệu sinh hoạt công dân đầu khoá. (MCGK.04.01.01 - MCGK.04.01.04)	Nhà trường đẩy mạnh tuyên truyền triết lý giáo dục đến người học qua nhiều kênh như GVCN, cố vấn học tập, giúp người học hiểu rõ hơn.	Khoa CNTT	Hàng năm	
Tiêu chí 4.2	Chưa đạt, 3	Rà soát, điều chỉnh CTDH và các hoạt động dạy học đảm bảo các hoạt động dạy, học được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt các CĐR khác nhau về kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần và toàn bộ CTĐT ngành CNTT.	CTĐT hoàn chỉnh có bổ sung nội dung thiết kế các hoạt động dạy và học. (MCGK.04.02.01 - MCGK.04.02.06)	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và của các học phần.	Khoa CNTT	Giai đoạn 2025-2026	
Tiêu chí 4.3	Đạt, 4	Rà soát ĐCCT các học phần, điều chỉnh các phương pháp dạy và học phù hợp với mục tiêu và CĐR của từng học phần.	Rà soát các học phần, điều chỉnh các PP dạy và học phù hợp với mục tiêu và CĐR. (MCGK.04.03.01 - MCGK.04.03.15)	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các phương pháp dạy và học bám sát với mục tiêu và CĐR	Khoa CNTT	Giai đoạn 2025-2026	
Tiêu chuẩn 5							
Tiêu chí 5.1	Chưa đạt, 3	Nhà trường nên xây dựng các mẫu đề thi (thi kết thúc học phần, thi giữa kỳ,...) trong đó thể hiện rõ từng câu hỏi thi sẽ gắn kết với CĐR nào của học phần.	Nhà trường đã đưa ra thông báo cập nhật ngân hàng câu hỏi thi (MCGK.05.01.01)	Tiếp tục triển khai việc xây dựng và cập nhật ngân hàng câu hỏi thi hàng năm.	Phòng KT&ĐBCLGD, Khoa CNTT	Hàng năm	
		Cần có hướng dẫn cụ thể về việc tổ chức triển khai đánh giá SV đạt CĐR của CTĐT để đáp ứng yêu cầu tương ứng trong Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT và Thông tư	Xây dựng các quy định hướng dẫn thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo chuẩn đầu ra. (MCGK.05.01.02)	Tiếp tục xây dựng phương pháp kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra học phần và triển khai Thông tư 08/2021 và 17/2021 để hướng dẫn	Phòng KT&ĐBCLGD, Khoa CNTT	Hàng năm	

		17/2021/TT-BGDĐT;		đánh giá sinh viên đạt chuẩn đầu ra CTĐT.			
		Xây dựng kế hoạch đo lường đánh giá các CDR của CTĐT theo từng khóa tuyển sinh.	Ban hành hướng dẫn đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần. (MCGK.05.01.03)	Tiếp tục triển khai các phương pháp đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần.	Phòng KT&ĐBCLGD	Hàng năm	
Tiêu chí 5.2	Đạt, 4	Rà soát, điều chỉnh ĐCCT các học phần	- Biên bản họp khoa/bộ môn - So sánh ĐCCT trước và sau khi điều chỉnh. - ĐCCT điều chỉnh. (MCGK.05.02.01, 02)	Định kỳ rà soát, cập nhật ĐCCT theo kế hoạch của Nhà trường.	Khoa CNTT	Hàng năm	
		Rà soát quy định đào tạo tín chỉ	Quy định đào tạo tín chỉ mới được cập nhật. (MCGK.05.02.03)	Định kỳ rà soát quy định đào tạo tín chỉ các loại hình đào tạo.	P.ĐT	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Rà soát quy định đánh giá kết quả học tập của người học	Quy định đánh giá kết quả học tập của người học. (MCGK.05.02.04)	Định kỳ rà soát quy định liên quan đến phương pháp kiểm tra, đánh giá NH theo CDR, cập nhật theo CTĐT, CTDH được điều chỉnh.	P.KT&ĐBC LGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	Đã xin góp ý Dự thảo lần 02, đang hoàn thiện để ban hành
		Giao diện website được thiết kế phù hợp hơn để người học dễ dàng, thuận tiện trong việc tiếp cận các quy định về KTĐG.	- Giao diện website mới - Cổng thông tin đào tạo của Nhà trường; - Quy trình phúc khảo trực tuyến. (MCGK.05.02.05)	Tăng cường ứng dụng CNTT trong việc tiếp cận các quy định về KTĐG.	P.KT&ĐBC LGD; Bộ phận 1 của (P.CTSV)	Thường xuyên	
Tiêu chí 5.3	Đạt, 4	Điều chỉnh/xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (trong đó xây dựng thang đánh giá chi tiết về các mức của kiến thức, kỹ năng, thái độ) nhằm nâng cao hơn nữa tính khách quan trong đánh giá kết quả của người học.	- Kế hoạch/thông báo điều chỉnh, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; - Ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng, điều chỉnh. (MCGK.05.03.01)	- Định kỳ rà soát quy định liên quan đến phương pháp kiểm tra, đánh giá NH theo CDR, cập nhật theo CTĐT, CTDH được điều chỉnh; - Cập nhật, theo dõi tiến độ xây dựng NHCHT hằng năm/hàng kỳ.	P.KT&ĐBC LGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	

		Thực hiện phân tích kết quả đánh giá ở tất cả các học phần để đảm bảo yêu cầu đánh giá, nâng cao độ tin cậy, giá trị đề thi, kiểm tra.	- Dữ liệu phân tích phổ điểm về kết quả KTĐG của người học; - Biên bản họp bộ môn để đánh giá độ khó, độ tin cậy của các bài KTĐG; - Đề thi đã được cải tiến, điều chỉnh. (MCGK.05.03.02)	Tiếp tục thực hiện các quy trình khảo thí nhằm đảm bảo yêu cầu đánh giá, nâng cao độ tin cậy, giá trị đề thi, kiểm tra.	Khoa CNTT; P.KT&ĐBC LGD	Hàng kỳ	
Tiêu chí 5.4	Đạt, 4	Phổ biến và hướng dẫn về đánh giá quá trình học tập, kỹ năng học tập của SV theo CDR của các học phần thể hiện trong ĐCCT học phần đã được rà soát, điều chỉnh	- Biên bản họp khoa/bộ môn; - Các hình thức phổ biến và hướng dẫn đến NH. - So sánh ĐCCT trước và sau khi điều chỉnh. - ĐCCT điều chỉnh. (MCGK.05.02.01, 02)	Định kỳ rà soát, cập nhật ĐCCT theo kế hoạch của Nhà trường.	Khoa CNTT	Hàng năm	Theo KH của Nhà trường
Tiêu chí 5.5	Đạt, 4	Nhà trường/Khoa nên có quy định, quy trình cụ thể để giám sát, đánh giá việc khiếu nại về kết quả đánh giá học phần liên quan đến đánh giá các thành phần như chuyên cần, quá trình, đánh giá các kỹ năng thực hành, làm việc nhóm, báo cáo thuyết trình, bảo vệ đồ án tốt nghiệp,...	Rà soát quy định đào tạo tín chỉ (MCGK.05.05.01)	Nhà trường ban hành quy định tại điều 32 (QĐ 2886/QĐ-TĐHHN, 03/07/2024) về việc sử dụng LMS để giám sát học tập, làm bài, hoạt động học thuật của SV, cung cấp báo cáo tiến độ và phát hiện vi phạm sớm.	PĐT	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm	
Tiêu chuẩn 6							
Tiêu chí 6.1	Đạt, 4	Rà soát các văn bản về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và hoạt động phục vụ cộng đồng, từ đó tái cấu trúc tổ chức và hoạt động chung của toàn trường.	Ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (MCGK.06.01.01)	Định kỳ rà soát quy định trên cơ sở báo cáo thực tiễn triển khai công tác này.	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm	
		Rà soát kế hoạch phát triển đội ngũ GV dựa trên quy hoạch, kế hoạch xây dựng và	Kế hoạch tuyển dụng theo năm (MCGK.06.01.02)	Rà soát nhu cầu nhân lực theo năm và theo giai đoạn	P.TCHC; Khoa CNTT	Quý IV hàng năm	

		phát triển các CTĐT của trường.					
		Rà soát, cử cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ.	Thông báo nhu đăng ký nhu cầu ĐTBĐ hàng năm (MCGK.06.01.03)	Tiếp tục rà soát, cử cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ.			
		Rà khối lượng công việc phù hợp để GV có thể tập trung hoàn thành các khóa học ThS, TS để nâng cao trình độ cá nhân và nguồn lực GV chung của toàn trường.	Ban hành khối lượng công việc GV (MCGK.06.01.04)	Tiếp tục rà khối lượng công việc phù hợp để GV có thể tập trung hoàn thành các khóa học ThS, TS để nâng cao trình độ cá nhân và nguồn lực GV chung của toàn trường.	P.TCHC; Khoa CNTT	Quý IV hàng năm	
Tiêu chí 6.2	Chưa đạt, 3	Cần có giải pháp để nâng cao số lượng, chất lượng của đội ngũ GV để có thể tiếp tục phát triển bền vững, đặc biệt cần chú trọng nâng cao tỉ lệ GV có trình độ TS.	Nhà trường đã ban hành các chính sách hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ (từ năm học 2023-2024 Nhà trường giữ nguyên lương cho GV đi làm NCS và miễn toàn bộ công việc cho GV trong thời gian học tập). MCGK.06.02.15, MCGK.06.02.16 MCGK.06.02.19 - MCGK.06.02.23	Tiếp tục khuyến khích đội ngũ GV học tập nâng cao trình độ, bên cạnh đó cần có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.	P.TCHC; Khoa CNTT	Quý I, hàng năm	
		Cần thực hiện đánh giá nhu cầu của thị trường lao động một cách hệ thống để xây dựng và điều chỉnh quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo, lĩnh vực nghiên cứu phù hợp với cả nhu cầu xã hội và thế mạnh của Trường, Khoa. Trên cơ sở đó có thể xây dựng được một quy hoạch trung và dài hạn để phát triển đội ngũ GV	Phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng. Nâng cao trình độ về chuyên môn giảng dạy và NCKH. Nhà trường đã đưa ra các yêu cầu cao hơn về khối lượng NCKH của GV, khuyến khích GV và người học trong các hoạt động NCKH. MCGK.06.02.15, MCGK.06.02.16	Khuyến khích GV, NH tham gia tích cực hơn nữa vào hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng, KK GV tiếp tục học tập nâng cao trình độ, Thu hút thêm nhân sự chất lượng cao.	P.TCHC; Khoa CNTT	Quý I, hàng năm	

		hợp lý và bền vững.					
Tiêu chí 6.3	Đạt, 4	Rà soát văn bản quy định hoạt động tuyển dụng, điều chuyển giảng viên, nhân viên phù hợp với thực tế.	Các văn bản tuyển dụng, điều chuyển; (MCGK.06.03.01)	Tiếp tục rà soát văn bản quy định hoạt động tuyển dụng, điều chuyển giảng viên, nhân viên phù hợp với thực tế.	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
Tiêu chí 6.4	Đạt, 4	Xây dựng kế hoạch thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV cụ thể hơn nữa theo từng vị trí việc làm phù hợp với mỗi CTĐT.	Có KH thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV cụ thể theo từng vị trí việc làm. (MCGK.06.03.01) (MCGK.06.04.01)	Định kỳ thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV theo từng vị trí việc làm	P.TCHC; Khoa CNTT	Hàng năm	
Tiêu chí 6.5	Đạt, 4	Tăng cường mở các lớp tập huấn về hoạt động giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến	Thông báo đăng nhu cầu ĐTBĐ các đơn vị để mở lớp tập huấn . (MCGK.06.05.01)	Tiếp tục tăng cường mở các lớp tập huấn về hoạt động giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến.	P.ĐT; P.KT&ĐBCL GD	Hàng năm	
Tiêu chí 6.6	Đạt, 4	Rà soát hệ thống văn bản đề hướng đến thực hiện quản trị theo kết quả đầu ra một cách hệ thống.	- Thông báo triển khai. - Các văn bản được rà soát. (MCGK.06.06.01)	Định kỳ rà soát hệ thống văn bản đề hướng đến thực hiện quản trị theo kết quả đầu ra	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
Tiêu chí 6.7	Đạt, 4	- Tăng cường trao đổi, ký kết các Biên bản ghi nhớ với các địa phương; - Triển khai các kế hoạch NCKH của địa phương; - Xây dựng mạng lưới NCKH với các đối tác.	- Biên bản ghi nhớ; - Hội thảo ứng dụng chuyển giao kết quả NCKH. (MCGK.06.07.01)	Tăng cường tổ chức Hội thảo ứng dụng chuyển giao kết quả NCKH nhằm xây dựng mạng lưới NCKH với các đối tác.	Khoa CNTT; P.KHCN&HT QT	Hàng năm	
		- Bổ sung cơ chế, chính sách đối với các nghiên cứu sinh, các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ/Tỉnh công bố quốc tế; - Khen thưởng và khuyến khích các giảng viên công bố quốc tế và tham gia viết sách có mã số ISBN, xuất bản nước	- Bổ sung kinh phí NCKH trong Quy chế chi tiêu nội bộ; - Kế hoạch hợp tác với các đối tác. (MCGK.06.07.02)	Hàng năm rà soát, bổ sung cơ chế chính sách đối với các nghiên cứu sinh, các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ/Tỉnh công bố quốc tế;	Khoa CNTT; P.KHTC; P.KHCN&HT QT	Hàng năm	

		ngoài; - Xây dựng kế hoạch để giảng viên tham gia trao đổi, nghiên cứu với các đối tác nước ngoài.					
Tiêu chuẩn 7							
Tiêu chí 7.1	Đạt, 4	Rà soát lại các mẫu phiếu lấy ý kiến các bên liên quan quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV theo vị trí việc làm.	Các mẫu phiếu được rà soát. (MCGK.07.01.01)	Định kỳ rà soát mẫu phiếu	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Phân tích dự báo nhu cầu phát triển nhân viên theo chiến lược phát triển của Trường, của Khoa.	- Thông báo soát; - Báo cáo kết quả rà soát. (MCGK.07.01.02)	Thực hiện Phân tích dự báo nhu cầu phát triển nhân viên theo chiến lược phát triển của Trường, của Khoa.	Khoa CNTT; P.TCHC	Hàng năm	
Tiêu chí 7.2	Đạt, 4	Đa dạng các hình thức đăng tải thông báo kế hoạch và tiêu chí tuyển dụng đa dạng nhằm thu hút được nhiều người quan tâm để lựa chọn cho tuyển dụng phong phú hơn trên các báo điện tử và báo giấy.	- Hình ảnh, link trang website (MCGK.07.02.01)	Tăng cường các hình thức đăng tải thông báo kế hoạch và tiêu chí tuyển dụng đa dạng nhằm thu hút được nhiều người quan tâm.	P.TCHC	Hàng năm	
		Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp và tính hiệu quả của chính sách chủ nhiệm lớp	- Báo cáo công tác chủ nhiệm lớp; - Tổng kết công tác CNL theo năm học. (MCGK.07.02.02)	Thường xuyên kiện toàn và tổng kết hoạt động CNL nhằm bám sát, triển khai các hoạt động phục vụ NH được hiệu quả.	Khoa CNTT; P.CTSV.	Hàng năm	
Tiêu chí 7.3	Đạt, 4	Xây dựng quy định tiêu chuẩn, năng lực đội ngũ NV gắn với VTVL trong đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ (bao nhiêu % thì được là HTNV).	- Thông báo triển khai phần mềm Nhật ký công việc KPI. - Phiếu đăng ký nhiệm vụ của khối NVHT. (MCGK.07.03.01)	Định kỳ rà soát quy định tiêu chuẩn, năng lực đội ngũ NV gắn với VTVL	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Cải tiến mẫu phiếu khi khảo	- Thông báo khảo sát				

		sát phải điền rõ vị trí việc làm và đơn vị vào mẫu phiếu.	- Mẫu phiếu khảo sát; (MCGK.07.03.02)				
Tiêu chí 7.4	Đạt, 4	Triển khai mở các lớp tập huấn các chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý học vụ cho đội ngũ NV phù hợp với vị trí việc làm ở khoa đào tạo (giáo vụ khoa, chủ nhiệm lớp)	- Kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng; - TB tổ chức lớp; - QĐ cử đi đào tạo. (MCGK.07.04.01)	Định kỳ mở các lớp tập huấn các chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý học vụ cho đội ngũ NV phù hợp với VTVL	- Khoa CNTT; - P.TCHC	Hàng năm	
		Triển khai thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV	- Thông báo; - Báo cáo kết quả rà soát. (MCGK.07.03.02)	Thường kỳ khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV.	P.TCHC	Hàng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
Tiêu chí 7.5	Đạt, 4	Xây dựng hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ cán bộ hỗ trợ	Phê duyệt kế hoạch công tác hằng năm của các đơn vị (MCGK.07.05.01, MCGK.07.05.02)	Xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.	P.TCHC	Hàng năm	
Tiêu chuẩn 8							
Tiêu chí 8.1	Đạt, 4	Khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và nhu cầu nguồn nhân lực. Từ đó phân tích và dự báo để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành CNTT.	- Phiếu khảo sát; - Kế hoạch/Thông báo khảo sát; - Kết quả khảo sát; - Báo cáo phân tích, dự báo thị trường lao động để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành CNTT. (MCGK.08.01.01)	Thường kỳ khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và nhu cầu nguồn nhân lực.	Khoa CNTT; - P.ĐT	Hàng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
		Rà soát, điều chỉnh CTĐT theo yêu cầu của thị trường lao động.	Các sản phẩm của CTĐT sau khi điều chỉnh; các minh chứng khảo sát, bản tổng hợp ý kiến khảo sát của các bên liên quan, đặc biệt về yêu cầu	Định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT theo yêu cầu của thị trường lao động.	Khoa CNTT; - P.ĐT	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm

			của thị trường lao động. (MCGK.01.01.01, 02, 03)				
		Phát huy vai trò của công tác tư vấn, hướng nghiệp trong tuyển sinh.	- Các minh chứng trong công tác tư vấn, hướng nghiệp về tuyển sinh của ngành; - Thành lập Ban TT và TVTS. (MCGK.08.01.02)	Tăng cường hơn nữa hoạt động truyền thông tư vấn, hướng nghiệp trong tuyển sinh.	Khoa CNTT; - Ban TT&TVTS.	Hàng năm	
Tiêu chí 8.2	Đạt, 5	Nhà trường cần có đánh giá về phương thức và tiêu chí tuyển sinh một cách bài bản như tổ chức các Hội nghị về công tác tuyển sinh, khảo sát lấy ý kiến của đầy đủ các bên liên quan như: SV, GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học ... về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, từ đó điều chỉnh, bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển sinh theo đặc thù của ngành CNTT.	Tổ chức các Hội nghị về công tác tuyển sinh, khảo sát lấy ý kiến của đầy đủ các bên liên quan như: SV, GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học ... về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, từ đó điều chỉnh, bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển sinh; đa dạng hóa các hệ và hình thức đào tạo theo đặc thù của ngành CNTT. (MCGK.08.02.01 MCGK.08.02.02)	1. Tăng cường tư vấn nghề nghiệp cho học sinh THPT về CNTT, giúp nâng cao chất lượng đầu vào và sự phù hợp của SV. 2. Hợp tác với doanh nghiệp trong tuyển sinh qua học bổng, thực tập liên kết, và cung cấp cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.	PĐT	Định kỳ hằng năm	
Tiêu chí 8.3	Đạt, 4	Cần có các biện pháp hỗ trợ tích cực để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn, giảm tỷ lệ SV thôi học	- Báo cáo thống kê về tình hình thôi học và buộc thôi học năm học 2021-2022; - Báo cáo thống kê về tình hình thôi học và buộc thôi học năm học 2022-2023; - Báo cáo thống kê về tình hình thôi học và buộc thôi học năm học 2023-2024 Sổ theo dõi sinh viên đến xin thôi học (MCGK.08.03.01÷04)	Bảng thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn. Bảng thống kê tỷ lệ SV thôi học, nguyên nhân SV thôi học. Báo cáo tổng hợp, phân tích tình trạng SV Thôi học hàng năm. - Sổ theo dõi, tư vấn và hỗ trợ sinh viên đến xin thôi học.	P. ĐT, P. CTSV	Hàng năm	
		Mở các học kỳ bổ sung, các đợt học lại, học cải thiện điểm	- Các TB/KH đăng ký học, học lại, học cải thiện điểm cho sinh viên	Mở các học kỳ bổ sung, các đợt học lại, học cải thiện điểm	P. ĐT	Hàng kỳ	

			(MCGK.08.03.20÷23)				
		GVCN, CVHT và các phòng ban chức năng tăng cường giám sát, hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện ở trường	Kế hoạch và thông báo giám sát kết quả học tập, rèn luyện các học kỳ năm học 2022-2023 và 2023-2024, cùng toàn khóa đối với sinh viên khóa 8 và khóa 9. Kế hoạch tập huấn công tác chủ nhiệm và cố vấn học tập cho năm học 2022-2023 và 2023-2024. (MCGK.08.03.05 ÷ 19)	Kế hoạch giám sát kết quả học tập và rèn luyện, thông báo kết quả hàng kỳ và toàn khóa. Xây dựng phần mềm cảnh báo KQHT và RL, tổ chức hội nghị tập huấn CNL, CVHT hàng năm.	P.CTSV	Hàng kỳ	
Tiêu chí 8.4	Đạt, 4	Xây dựng các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp để tăng khả năng tìm việc làm phù hợp với ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp	- Kế hoạch tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm năm 2024 - Báo cáo kết quả tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm năm 2024. (MCGK.08.04.01, MCGK.08.04.02)	Các văn bản, kế hoạch, ghi nhớ, thỏa thuận về các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp	P.CTSV	Hàng năm	
		Tổ chức các lớp ngoại ngữ/các câu lạc bộ cho người học	- Tổ chức các lớp học Tiếng Anh vì cộng đồng; - Thành lập các CLB thể thao cho sinh viên (MCGK.08.04.03÷ 10)	Kế hoạch/thông báo/Quyết định mở các lớp học/câu lạc bộ	P.CTSV	Hàng năm	
Tiêu chí 8.5	Đạt, 4	- Trồng bổ sung cây xanh trong khuôn viên Nhà trường; - Nhà trường nên nâng cấp KTX.	- Hợp đồng/ kế hoạch trồng, chăm sóc bổ sung cây xanh; - Hợp đồng/ kế hoạch nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ NH. (MCGK.08.05.01)	Đầu tư cho hạ tầng, cơ sở vật chất tạo môi trường sư phạm phục vụ tốt cho NH	- P.QTTB; - P.KHTC;	Hàng năm	Tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tiếp theo.
		- Bổ sung trang thiết bị và dụng cụ y tế - Phần mềm quản lý phục vụ khám chữa bệnh, cấp phát thuốc cho trạm	- Quyết định/hợp đồng/Tờ trình mua trang thiết bị y tế; - Lập và sử dụng sổ điện tử về theo dõi và quản lý việc khám cấp phát thuốc một	Tiếp tục phối hợp với y tế cơ sở tại địa phương để thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh;	P.CTSV	Giai đoạn 2025 -2026	Tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tiếp theo.

		y tế.	cách khoa học. (MCGK.08.05.02)				
Tiêu chuẩn 9							
Tiêu chí 9.1	Đạt, 4	Khảo sát lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất	Báo cáo phân tích kết quả khảo sát về cơ sở vật chất. (MCGK.09.01.01)	Thường xuyên thực hiện khảo sát, lấy ý kiến NH, CBGV trong Trường về CSVC, trang thiết bị theo kế hoạch của Nhà trường.	P.QTTB	Hàng năm	
		Khảo sát cán bộ, nhân viên trong trường về cơ sở vật chất					
		Sửa chữa nền giảng đường nhà A, tạo môi trường tâm lý và cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo.	Thay gạch lát nền khu giảng đường nhà A. (MCGK.09.01.02)	Tiếp tục đầu tư cho cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH tương xứng với điều kiện phát triển của Nhà trường.	- P.QTTB; - P.KHTC.	Hàng năm	
		Bảo dưỡng hệ thống điều hòa trong toàn trường	Đảm bảo các thiết bị nhà trường hoạt động tốt đáp ứng học tập và NCKH của NH. (MCGK.09.01.03)	Tiếp tục duy trì và thường xuyên đảm bảo các thiết bị nhà trường/khoa hoạt động tốt đáp ứng học tập và NCKH của NH.	P.QTTB	Hàng năm	
Tiêu chí 9.2	Đạt, 4	Tăng cường xây dựng và thực hiện kế hoạch biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo	- Danh mục giáo trình chuyên ngành CNTT được bổ sung hằng năm; - Các quyết định lựa chọn nguồn học liệu đưa vào giảng dạy tại Trường. (MCGK.09.02.01)	Tăng cường xây dựng và thực hiện kế hoạch biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo	Khoa CNTT; TT.TV&CN TT; P.ĐT	Hàng năm	
		Số hóa tài liệu nội sinh: giáo trình, khóa luận/luận văn, sản phẩm NCKH...	Tài liệu nội sinh được bổ sung hằng năm. (MCGK.09.02.02)	Tiếp tục định kỳ số hóa tài liệu nội sinh: giáo trình, khóa luận/luận văn, sản phẩm NCKH...	Khoa CNTT; TT.TV&CN TT; P.ĐT	Hàng năm	
		Bổ sung các kết nối CSDL với các thư viện khác	- Tài khoản truy cập CSDL các thư viện khác	Đa dạng, mở rộng liên kết tới nhiều nguồn CSDL.	Khoa CNTT; TT.TV&CN TT;	Hàng năm	
		Mua quyền truy cập CSDL	- Thông báo/Quyền truy cập				

		hàng năm	CSDL điện tử. (MCGK.09.02.03)				
Tiêu chí 9.3	Đạt, 4	Trường cần trang bị máy tính cấu hình cao cho phòng thực hành để hỗ trợ giảng dạy các học phần thực hành thuộc khối kiến thức chuyên ngành CNTT.	Nhà trường đã bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng thực hành chuyên ngành của khoa CNTT. Nhà trường đã sắp xếp một số lớp có nội dung thực hành học tại các phòng học chuyên ngành dành riêng cho khoa CNTT. (MCGK.09.03.01)	Tiếp tục rà soát, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng thực hành chuyên ngành của khoa CNTT.	Khoa CNTT		
Tiêu chí 9.4	Đạt, 4	Tăng cường khảo sát ý kiến GV, SV và các bên liên quan khác để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hệ thống CNTT.	Báo cáo khảo sát ý kiến GV, SV và các bên liên quan khác về đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hệ thống CNTT. (MCGK.09.04.01)	Định kỳ lấy ý kiến GV, SV và các bên liên quan khác về đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hệ thống CNTT.	Khoa CNTT; TT.TV&CNTT.	Hàng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
		Tiếp tục nghiên cứu, thí điểm triển khai các hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS và LCMS để hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo.	Tờ trình đề xuất thí điểm triển khai các hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS và LCMS. (MCGK.09.04.02)	Tiếp tục đầu tư phát triển các hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS và LCMS.	Khoa CNTT; TT.TV&CNTT; P.ĐT	Hàng năm	
		Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống phần mềm QLĐT dùng chung trong toàn Trường	Biên bản nghiệm thu/quyết toán đưa vào khai thác sử dụng PM mới. (MCGK.09.04.03)	Chủ động khai thác hiệu quả PM mới.	Khoa CNTT; P.ĐT.		Đã hoàn thành
Tiêu chí 9.5	Đạt, 4	Xây dựng kế hoạch/thông báo đánh giá độc hại môi trường và an toàn lao động.	Kế hoạch Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng, chống ngộ độc thực phẩm trong nhà trường năm 2024 (MCGK.09.05.01)	Kế hoạch/Thông báo đánh giá độc hại môi trường và an toàn lao động	P.CTSV	Quý IV, Hàng năm	
		Nâng cấp KTX.	- Quyết định Phê duyệt dự toán kinh phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện “Sửa chữa, thay thế hệ thống trực	Tiếp tục nâng cấp KTX	TT.DVTH	Quý IV/2026	Tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tiếp

			thoát nước và gia công lắp đặt hoa sắt lan can cầu thang cho Ký túc xá nhà D, cơ sở 1” - Quyết định Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu “Sửa chữa, ốp, lát, sơn mới một số phòng và công trình phụ trợ cho Ký túc xá nhà D, cơ sở 1” (MCGK.08.05.01, MCGK.08.05.02)				theo.
Tiêu chuẩn 10							
Tiêu chí 10.1	Đạt, 4	Cần khảo sát nhu cầu của nhà tuyển dụng ngoài nhà nước để điều chỉnh CĐR, CTDH, và vị trí việc làm ngành đào tạo. Nên tổ chức hội nghị, phỏng vấn trực tiếp để thu thập ý kiến và phân tích sâu CTĐT ngoài trường để điều chỉnh phù hợp.	Nhà trường thu thập nhu cầu nhà tuyển dụng và cựu sinh viên qua khảo sát và hội nghị để điều chỉnh CĐR, CTĐT theo xu hướng thị trường lao động. (MCGK.10.01.02)	Tiếp tục thực hiện khảo sát nhu cầu các bên liên quan để điều chỉnh CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội. Triển khai đối sánh CTĐT ngành CNTT với các CTĐT trong và ngoài Trường.	Phòng CTSV; Khoa CNTT	Thường xuyên hằng năm	
Tiêu chí 10.2	Chưa đạt, 3	Nhà trường cần sớm xây dựng và thực hiện quy trình rà soát, đánh giá một cách chủ động, bài bản và hệ thống mức độ phù hợp, tính hiệu quả của các quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã ban hành để cải tiến. Việc rà soát, đánh giá cần mang tính tổng thể, toàn bộ quy trình, đồng thời cũng cần xem xét từng khâu trong quy trình, từng công cụ, hình thức thu thập thông tin cũng như phạm vi và nhóm đối tượng cung cấp thông tin,...	Xây dựng và thực hiện quy trình rà soát, đánh giá một cách chủ động, bài bản và hệ thống mức độ phù hợp, tính hiệu quả của các quy trình thiết kế và phát triển. (MCGK.10.02.01)	- Rà soát điều chỉnh toàn bộ biểu mẫu về chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết, bản mô tả chương trình đào tạo dựa trên các góp ý của chuyên gia, khuyến nghị đoàn đánh giá Trường, đánh giá CTĐT; - Điều chỉnh về nội dung của CTĐT đảm bảo tính chặt chẽ, logic, đồng bộ trong toàn trường, thể hiện rõ định hướng ứng dụng và tính kết nối theo	PĐT	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/05 năm	

				hướng liên thông ngang, liên thông dọc giữa các chương trình đào tạo toàn trường và chương trình đào tạo theo từng nhóm ngành, lĩnh vực;			
Tiêu chí 10.3	Đạt, 4	Cần tăng cường biện pháp để thu hút sinh viên tham gia khảo sát, đa dạng hóa kênh đánh giá hoạt động dạy và học. Bổ sung câu hỏi về KTĐG vào khảo sát và tổ chức khảo sát chuyên đề để cải tiến chất lượng.	Nhà trường đã triển khai các công cụ khảo sát để lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, cựu sinh viên, và nhà tuyển dụng về CTĐT, dạy học và KTĐG, đồng thời báo cáo kết quả đánh giá CĐR và lập kế hoạch hành động của khoa. (MCGK.10.03.01 - 03)	Khoa sẽ tổ chức các buổi họp giữa GVCN và SV định kỳ để lắng nghe thông tin phản hồi từ SV được đầy đủ, kịp thời hơn. Báo cáo kết quả khảo sát cuối học kỳ và kế hoạch hành động của Khoa.	Khoa CNTT	Thường xuyên hằng kỳ	
		Đưa hình thức đào tạo trực tuyến e-Learning trong mục tiêu chiến lược phát triển đào tạo.	Năm 2024, Nhà trường đã hoàn thiện các quy định về dạy học trực tuyến, xây dựng và đưa vào triển khai thực hiện hình thức đào tạo trực tuyến e-Learning. (MCGK.09.04.03)	Điều chỉnh hình thức học trực tuyến và học trực tiếp cho phù hợp với tình hình xu thế hiện nay.	PĐT	Hàng năm	
		Cần hướng dẫn thiết kế và sử dụng hình thức kiểm tra phù hợp với chuẩn đầu ra, đặc biệt là năng lực tự chủ, trách nhiệm, kỹ năng mềm, cùng tiêu chí đánh giá độ tin cậy, giá trị và độ khó của đề thi.	Nhà trường đã đưa ra những quy định về quá trình dạy và học cùng với các phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập được rà soát, điều chỉnh. (MCGK.05.02.03, 04)	Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát điều chỉnh các văn bản hướng dẫn thiết kế bài kiểm tra đánh giá cho phù hợp.	P, KT&ĐBCL GD	Hàng năm	
		Tổ chức tập huấn cho tất cả GV tham gia giảng dạy CTĐT về phương pháp dạy và học và đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.	Báo cáo về tổ chức hội thảo/tập huấn về phương pháp dạy - học. (MCGK.10.02.02)	Tiếp tục tổ chức đánh giá kết quả đánh giá mức độ đạt được CĐR của chương trình.	PĐT	Hàng năm	

Tiêu chí 10.4	Đạt, 4	Cần khuyến khích NCKH ứng dụng để cải tiến dạy-học, nâng cao chất lượng học liệu, và đánh giá hiệu quả ứng dụng. Nhà trường nên thúc đẩy sáng kiến PBL, STEM, khuyến khích sinh viên NCKH để phát triển kỹ năng tự học và sáng tạo.	Nhà trường hỗ trợ kinh phí NCKH cho giảng viên và sinh viên, phổ biến qua kế hoạch hàng năm. Số lượng và chất lượng đề tài NCKH sinh viên tăng, nhiều đề tài đạt giải. Nhà trường tổ chức thi NCKH và lập Hội đồng Khoa CNTT để thúc đẩy sáng kiến và ứng dụng. (MCGK.10.04.01-08)	Khuyến khích NCKH sinh viên, phát triển chương trình, tham gia thi quốc gia và quốc tế, cập nhật thông tin thi, kiện toàn đội ngũ và thực hiện đề tài nghiên cứu.	P.KHCN&H TQT; Khoa CNTT	Hàng năm	
Tiêu chí 10.5	Đạt, 4	Điều chỉnh nội dung câu hỏi khảo sát, nên có các câu hỏi mở, cải tiến cách hỏi về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Câu hỏi mở khảo sát được bổ sung, trên cơ sở rà soát các mẫu phiếu. (MCGK.10.05.01)	Định kỳ rà soát các mẫu phiếu sau các lần khảo sát. Có báo cáo trong đó đánh giá tính hiệu quả các định hướng hành động.	- TT.TV&CN TT (phụ trách về câu hỏi khảo sát hệ thống CNTT, phòng thực hành máy tính và thư viện); - TT.DVTH (phụ trách về câu hỏi khảo sát ký túc xá, dịch vụ ăn uống, trông giữ xe); - P.QTTB (phụ trách về câu hỏi khảo sát CSVC); - Khoa (phụ trách về câu hỏi khảo sát về dịch vụ	Hàng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
		Xây dựng giải pháp/hành động khả thi cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và CSVC của Trường, trên cơ sở kết quả khảo sát.	Báo cáo khảo sát các dịch vụ hỗ trợ (trong đó có nêu rõ giải pháp/hành động khả thi cải tiến chất lượng các dịch vụ này). (MCGK.10.05.02)				

					tại phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy được giao).		
Tiêu chí 10.6	Đạt, 4	Rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan; - Mức độ phù hợp, tính hiệu quả của bộ công cụ; - Cách thức thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng báo cáo; - Cơ chế phối hợp giữa P.KT&ĐBCLGD với các đơn vị thực hiện khảo sát ; - Quy định/cơ chế sử dụng kết quả khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng và ra quyết định.	- Kế hoạch rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan; - Biên bản kết quả rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi; - Quy định cơ chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sau rà soát; - Bộ công cụ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đã được cập nhật). (MCGK.10.06.01)	Định kỳ rà soát đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, nhằm sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng và ra quyết định.	P.KT&ĐBCLGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần /02 năm.	
Tiêu chuẩn 11							
Tiêu chí 11.1	Đạt, 4	Những giải pháp thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV bỏ học giúp nâng cao chất lượng đào tạo.	- Bảng thống kê tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp của các khóa - Bảng thống kê số lượng, thời điểm, nguyên nhân SV bỏ học - Sổ theo dõi, tư vấn và tìm hiểu lý do sinh viên xin thôi học. (MCGK.11.01.01)	Thường xuyên có giải pháp thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV bỏ học giúp nâng cao chất lượng đào tạo.	- Khoa CNTT; - P.ĐT; - P.CTSV	Hàng năm	
Tiêu chí 11.2	Đạt, 4	Các giải pháp hiệu quả để hạn chế việc SV các khóa chưa tốt nghiệp.	Trên cơ sở bảng thống kê tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp các khóa, khoa/Trường có các giải pháp cụ thể để hạn chế việc SV các khóa chưa tốt nghiệp. (MCGK.11.01.02)	- Tăng cường hơn nữa vai trò CVHT, CNL; - Thường xuyên tổ chức các lớp học cải thiện, học tiến độ nhanh cho SV có nhu cầu.	- Khoa CNTT; - P.ĐT; - P.CTSV	Hàng năm	
		Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành	Báo cáo so chuẩn đối sánh cấp CTĐT ngành CNTT,	Định kỳ thực hiện so chuẩn, đối sánh CTĐT	- Khoa CNTT;	Hàng năm	Theo KH so chuẩn,

		CNTT với các CTĐT của các trường khác ở trong và ngoài nước. Từ đó phân tích kết quả đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT.	trong đó có chỉ số đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNTT giữa các năm và với các trường khác. (MCGK.11.02.01)	theo KH của Nhà trường (bám sát Thông tư 01/2024/BGDĐT)	- P.ĐT; - P.CTSV		đối sánh CTĐT chung của Trường
Tiêu chí 11.3	Đạt, 4	Trang bị các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của Nhà tuyển dụng, tăng tỷ lệ SVTN làm việc trong các lĩnh vực phù hợp với ngành nghề đào tạo	Kế hoạch tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm năm 2024. Báo cáo kết quả tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm năm 2024. (MCGK.08.04.01, MCGK.08.04.02)	Tiếp tục Tổ chức các lớp kỹ năng mềm, các buổi tọa đàm nghề nghiệp/ thị trường lao động	Khoa CNTT	Hàng năm	
		Xây dựng các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp để tăng khả năng tìm việc làm phù hợp với ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp		Các văn bản, kế hoạch, ghi nhớ, thỏa thuận về các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp	P.CTSV	Hàng năm	
Tiêu chí 11.4	Chưa đạt, 3	Bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích GV, SV tham gia nghiên cứu khoa học.	Được bổ sung kinh phí trong Quy chế chi tiêu nội bộ. (MCGK.11.04.01)	Hàng năm rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích GV, SV tham gia nghiên cứu khoa học.	- P.KHTC; P.KHCN&H TQT	Hàng năm	
		Có cơ chế hỗ trợ SV tham gia các cuộc thi trong và ngoài nước.					
		- Phổ biến các loại hình NCKH SV; - Tăng cường hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi NCKH trong và ngoài nước.	- Bổ sung kế hoạch Hàng năm về các loại hình NCKH SV; - Bổ sung kinh phí hỗ trợ SV tham gia các cuộc thi NCKH. (MCGK.11.04.02)				
		- Bổ sung các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH SV trong và ngoài nước; - Hình thành dữ liệu đội ngũ chuyên gia, giảng viên định hướng NCKH SV.	- Dữ liệu chuyên gia, giảng viên định hướng NCKH; - Các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH SV trong và ngoài nước. (MCGK.11.04.03)	Tiếp tục bổ sung các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH và HT trao đổi SV trong và ngoài nước.	- Khoa CNTT; P.KHCN&H TQT	Hàng năm	

Tiêu chí 11.5	Đạt, 4	Rà soát các mẫu phiếu lấy ý kiến khảo sát.	Bộ mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đã được chỉnh sửa 5 bậc đánh giá thang Likert, cập nhật nội dung mẫu phiếu) (MCGK.11.05.01)	Định kỳ rà soát đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, nhằm sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng và ra quyết định.	P.KT&ĐBCL GD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần /02 năm.	
		Điều chỉnh quy định trong đó quy ước thang Likert 5 bậc và thống nhất trong trường	Quy định lấy ý kiến phản hồi được cập nhật, điều chỉnh. (MCGK.11.05.02)				

(Kèm theo Kết quả cải tiến theo từng tiêu chí là Danh mục mã minh chứng tại Phụ lục II).

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy

PHỤ LỤC I

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG THEO TỪNG TIÊU CHÍ NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

(Kèm theo Báo cáo số 4519/BC-TĐHHN ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí <i>(trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KDCLGD <i>(Đạt/Chưa đạt; mức)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KDCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện <i>(bắt đầu và hoàn thành)</i>	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1							
Tiêu chí 1.1	Đạt, 4	CTĐT nên có những mục tiêu đào tạo cụ thể liên quan đến việc hỗ trợ cho lĩnh vực TNMT.	Đã rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT liên quan đến lĩnh vực TNMT (MCGK.01.01.01 - 03)	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT bám sát mục tiêu, chiến lược của Nhà trường về lĩnh vực TNMT.	Khoa KT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	
		Cần xây dựng các mục tiêu đào tạo cụ thể đáp ứng hiệu quả cho các nhu cầu xã hội về CNTT trong tương lai, bắt kịp các định hướng quan trọng về CNTT của thời đại.	Các báo cáo dự báo nhu cầu nhân lực IT, báo cáo khảo sát, phân tích, đánh giá, tổng hợp ý kiến các bên liên quan, đã điều chỉnh mục tiêu của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, định hướng theo CMCN 4.0 (MCGK.01.01.01-05)	Tiếp tục khảo sát, dự báo nhu cầu nhân lực CNTT, khảo sát và lấy ý kiến các bên liên quan, để điều chỉnh mục tiêu của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, định hướng theo CMCN 4.0	Khoa KT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	
		Cần rà soát lại các thông tin đăng tải trên Website, công bố rộng rãi mục tiêu của CTĐT	Đã rà soát, cập nhật thông tin trên Website, đa dạng hóa các hình thức công bố mục tiêu, CDR của CTĐT đến các bên liên quan (MCGK.01.01.06)	Tiếp tục rà soát, cập nhật thông tin trên Website, đa dạng hóa các hình thức công bố mục tiêu, CDR của CTĐT đến các bên liên quan.	Khoa KT	Thường xuyên	

Tiêu chí 1.2	Đạt; 4	Cần rà soát kỹ các CĐR CTĐT và phải đảm bảo nguyên tắc đo lường đánh giá được.	Nhà trường đã ban hành các Hướng dẫn đo lường và đánh giá mức độ đạt CĐR đối với học phần và CTĐT của người học đạt CĐR CTĐT. Ban hành hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. (MCGK.01.02.01 MCGK.01.02.02)	Tiếp tục rà soát các CĐR của CTĐT để đảm bảo quy tắc đo lường đánh giá.	Khoa KT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	
		Cần đưa ma trận chứng minh các CĐR đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về Kiến thức, Kỹ năng, Năng lực tự chủ và trách nhiệm.	Đã xây dựng và đưa ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, đưa ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với CĐR của học phần. (MCGK.01.02.03 MCGK.01.02.04)	Rà soát các ma trận thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với CĐR của học phần.	Khoa KT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	
Tiêu chí 1.3	Chưa đạt, 3	CTĐT nên điều chỉnh bổ sung CĐR liên quan đến tư duy khởi nghiệp. Cần đảm bảo rà soát CTĐT ít nhất 1 lần trong 2 năm. Cần đẩy mạnh nâng cao chất lượng đào tạo về ngoại ngữ đáp ứng cho ngành.	Nhà trường ban hành các kế hoạch cải tiến, điều chỉnh, cập nhật CTĐT. Các báo cáo khảo sát, phân tích, đánh giá, tổng hợp và lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh CĐR của CTĐT, tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng ngoại ngữ, tư duy khởi nghiệp cho người học để đáp ứng cho nhu cầu của xã hội. (MCGK.01.03.01-07)	Tiếp tục khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội theo CMCN 4.0.	Khoa KT, P.Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	

		Cần đa dạng hóa các hình thức công bố CĐR của CTĐT theo từng năm tuyển sinh.	Đã rà soát và công bố CĐR của CTĐT theo từng năm tuyển sinh trên website của Trường, của Khoa. (MCGK.01.03.08)	Tiếp tục rà soát, công bố rộng rãi CĐR của CTĐT theo từng năm tuyển sinh để đảm bảo tính ổn định của CTĐT.	Khoa KT	Thường xuyên hàng năm	
Tiêu chuẩn 2							
Tiêu chí 2.1	Đạt, 4	Nhà trường nên ban hành bản mô tả CTĐT phục vụ cho các SV theo từng khóa tuyển sinh theo từng năm vì đây là thông tin cơ bản quan trọng công bố công khai trên website phục vụ công tác đào tạo cũng như tuyển sinh.	Nhà trường đã ban hành CTĐT theo từng khóa tuyển sinh và công bố công khai trên website của Khoa. (MCGK.02.01.01, MCGK.02.01.02)	Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT theo đúng kế hoạch 2 năm/lần.	Phòng Đào tạo, Khoa KT	Giai đoạn 2025-2026	
		Nhà trường nên xem xét rà soát kỹ lại một số thông tin trong bản mô tả CTĐT như cây CTĐT hay sơ đồ giảng dạy của các học phần, thông tin hướng dẫn về PPGD và học tập, kỹ thuật KTĐG.	Năm 2024 Nhà trường đã cập nhật lại CTĐT, trong đó mô tả rõ sơ đồ giảng dạy của các học phần; mô tả rõ thông tin hướng dẫn về PPGD và học tập, kỹ thuật KTĐG trong các ĐCCT. Trong ĐCCT cũng đã mô tả cụ thể những tài nguyên cần thiết phục vụ cho từng học phần. (MCGK.02.01.01, MCGK.02.01.02)	Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT theo đúng kế hoạch 2 năm/lần.	Phòng Đào tạo, Khoa KT	Giai đoạn 2025-2026	
		Nhà trường nên đầu tư nguồn lực, chú trọng hơn nữa đến việc bồi dưỡng tập huấn cho các cán bộ quản lý chuyên môn và các GV về kỹ năng xây dựng, phát triển CTĐT và đào tạo theo CĐR. Trong bản mô tả CTĐT nên thể hiện rõ các phần mềm và phần cứng cụ thể phục vụ cho đào tạo đổi	Nhà trường đã mời chuyên gia tập huấn xây dựng, phát triển CTĐT cho toàn bộ CBGV tham gia phát triển CTĐT. (MCGK.02.01.01, MCGK.02.01.02)	Nhà trường sẽ tiếp tục mời chuyên gia tập huấn về việc xây dựng, phát triển CTĐT cho toàn bộ CBGV tham gia phát triển CTĐT.	Phòng Đào tạo	Giai đoạn 2025-2026	

		với CTĐT ngành.					
Tiêu chí 2.2	Chưa đạt, 3	Nhà trường cần giám sát, cải tiến hoạt động giảng dạy và KTĐG, đảm bảo GV tuân thủ ĐCCT, CĐR đo lường được và phù hợp với CĐR học phần, CTĐT. Nội dung KTĐG cần thiết kế đúng với CĐR học phần.	Nhà trường hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đo lường đánh giá KQHT của người học theo CĐR đối với các học phần tại Trường ĐHTN&MT HN, điều này được thể hiện trong ĐCCT. (MCGK.02.02.01, MCGK.02.02.02, MCGK.02.02.04)	Tiếp tục rà soát, cập nhật ĐCCT đáp ứng được CĐR của CTĐT, cập nhật nội dung cũng như các phương pháp kiểm tra, đánh giá các ĐCCT trong bối cảnh CMCN 4.0	Phòng KT&ĐBCLGD, Khoa KT	Thường xuyên	
Tiêu chí 2.3	Đạt, 4	Nhà trường cần xây dựng và công bố công khai các bản mô tả CTĐT của từng năm trên website và các kênh truyền thông phù hợp cho các bên liên quan được biết. Thông tin công bố trên website cần đảm bảo độ chính xác.	Thực hiện phổ biến, công khai CTĐT đến các bên liên quan qua trang Web của Nhà trường, của Khoa; (MCGK.02.03.02, MCGK.02.03.03)	Nhà trường tiếp tục phổ biến, công khai CTĐT đến các bên liên quan qua trang Web của Nhà trường, của Khoa;	Khoa KT	Thường xuyên	
		Cần đa dạng hóa phương án tiếp cận nhà SDLĐ, tổ chức xã hội, cựu SV để phổ biến thông tin về CTĐT và năng lực người học, đồng thời thu nhận phản hồi góp ý cho sự phát triển CTĐT.	Thực hiện phổ biến, công khai CTĐT đến các bên liên quan. Mời các chuyên gia đánh giá, góp ý về sự cập nhật, đổi mới của CTĐT, CĐR của người học tốt nghiệp; về các phương pháp dạy học. (MCGK.02.03.01, MCGK.02.03.02)	Tiếp tục triển khai đa dạng các hình thức phổ biến, công khai CTĐT đến các bên liên quan.	Khoa KT	Thường xuyên	
		Nhà trường cần quán triệt để SV nắm được ý nghĩa và tầm quan trọng của bản mô tả CTĐT để SV đọc và nắm vững các thông tin trong bản mô tả CTĐT.	Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. (MCGK.02.03.01, MCGK.02.03.02)	Tiếp tục phổ biến về bản mô tả CTĐT đến sinh viên thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.	Khoa KT	Tháng 9, 10 hằng năm	
Tiêu chuẩn 3							

Tiêu chí 3.1	Đạt, 4	Nhà trường cần đảm bảo chính xác thông tin CTDH, rà soát quy trình thiết kế dựa trên CDR và chỉ báo PI để xây dựng ma trận kỹ năng, đo lường CDR của sinh viên, và lập kế hoạch đánh giá CDR cho từng khóa tuyển sinh theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT.	Khoa KT đã rà soát và điều chỉnh CTĐT theo CDR và chỉ báo PI để đánh giá sinh viên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu tốt nghiệp theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, đồng thời thực hiện nghiêm kế hoạch đo lường CDR của nhà trường. (MCGK.03.01.01 - MCGK.03.01.11)	Lấy ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối để điều chỉnh nội dung CTĐT theo CDR của CTĐT và CDR của từng học phần.	Khoa KT	Hàng năm	
Tiêu chí 3.2	Chưa đạt, 3	Nhà trường cần đảm bảo độ tin cậy của ma trận kỹ năng bằng cách sử dụng mức độ đóng góp I, M, F thay cho 1, 2, 3 để liên kết rõ ràng CDR học phần và CDR CTĐT. Đồng thời, tổ chức hướng dẫn cho giảng viên nắm rõ CDR trước khi viết ĐCCT học phần.	CTĐT ngành đã cập nhật theo định hướng CDIO, đảm bảo ma trận kỹ năng và liên kết CDR. Khoa KT thường cử cán bộ tham gia hướng dẫn để nắm rõ CDR trước khi viết ĐCCT. (MCGK.03.02.01, MCGK.03.02.02)	Lấy ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối để cập nhật mức độ đóng góp của từng học phần vào việc thực hiện CDR và từ đó hoàn thiện bảng ma trận CDR của ngành	Khoa KT	Định kỳ rà soát theo kế hoạch của Nhà trường	
Tiêu chí 3.3	Đạt, 4	Nhà trường nên tổ chức dạy học linh hoạt hơn với tín chỉ tự chọn, giúp sinh viên học theo khả năng và sở thích, học vượt hoặc chậm tùy điều kiện cá nhân, và cần định kỳ rà soát CTĐT. Khoa KT cần cập nhật nội dung học phần theo xu hướng hiện đại.	Nhà trường tổ chức học lại, cải thiện cho SV, hỗ trợ tư vấn môn học, thời gian, và cho phép đăng ký học vượt hoặc rút tín chỉ. Khoa KT định kỳ cập nhật CTĐT theo xu hướng hiện đại như AI, Blockchain, IoT. (MCGK.03.03.06 - MCGK.03.03.10)	Lấy ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối để cập nhật, điều chỉnh cấu trúc CTĐT và ĐCCT học phần và hoàn thiện hơn về cấu trúc và logic của CTĐT.	Khoa KT	Thường xuyên hàng năm	
		Nhà trường nên có hướng dẫn đối sánh CTĐT để đảm bảo chất lượng.	Nhà trường đã ban hành hướng dẫn đối sánh CTĐT để đạt hiệu quả cao. (MCGK.03.03.11)	Nhà trường tiếp tục thực hiện so chuẩn, đối sánh hàng năm để phục vụ điều chỉnh CTĐT cho phù hợp.	Khoa KT	Thường xuyên hàng năm	

Tiêu chuẩn 4							
Tiêu chí 4.1	Đạt, 4	Triết lý giáo dục nên được ban hành chính thức dưới dạng văn bản và phổ biến rộng rãi để tất cả cán bộ GV, người học trong khoa đều biết và chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động giảng dạy - học tập.	Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được ban hành, được phổ biến rộng rãi trên website của trường và các tài liệu sinh hoạt công dân đầu khoá. (MCGK.04.01.01 - MCGK.04.01.04)	Nhà trường đẩy mạnh tuyên truyền triết lý giáo dục đến người học qua nhiều kênh như GVCN, cố vấn học tập, giúp người học hiểu rõ hơn.	Khoa KT	Hàng năm	
Tiêu chí 4.2	Chưa đạt, 3	Rà soát, điều chỉnh CTDH và các hoạt động dạy học đảm bảo các hoạt động dạy, học được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt các CĐR khác nhau về kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần và toàn bộ CTĐT ngành.	CTĐT hoàn chỉnh có bổ sung nội dung thiết kế các hoạt động dạy và học. (MCGK.04.02.01 - MCGK.04.02.06)	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và của các học phần.	Khoa KT	Giai đoạn 2025-2026	
Tiêu chí 4.3	Đạt, 4	Rà soát ĐCCT các học phần, điều chỉnh các phương pháp dạy và học phù hợp với mục tiêu và CĐR của từng học phần.	Rà soát các học phần, điều chỉnh các PP dạy và học phù hợp với mục tiêu và CĐR. (MCGK.04.03.01 - MCGK.04.03.15)	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các phương pháp dạy và học bám sát với mục tiêu và CĐR	Khoa KT	Giai đoạn 2025-2026	
Tiêu chuẩn 5							
Tiêu chí 5.1	Chưa đạt, 3	Nhà trường nên xây dựng các mẫu đề thi (thi kết thúc học phần, thi giữa kỳ,...) trong đó thể hiện rõ từng câu hỏi thi sẽ gắn kết với CĐR nào của học phần.	Nhà trường đã đưa ra thông báo cập nhật ngân hàng câu hỏi thi (MCGK.05.01.01)	Tiếp tục triển khai việc xây dựng và cập nhật ngân hàng câu hỏi thi hàng năm.	Phòng KT&ĐBCL GD, Khoa KT	Hàng năm	
		Cần có hướng dẫn cụ thể về việc tổ chức triển khai đánh giá SV đạt CĐR của CTĐT để đáp ứng yêu cầu tương ứng trong Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT và Thông tư	Xây dựng các quy định hướng dẫn thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo chuẩn đầu ra. (MCGK.05.01.02)	Tiếp tục xây dựng phương pháp kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra học phần và triển khai Thông tư 08/2021 và 17/2021 để hướng dẫn	Phòng KT&ĐBCL GD, Khoa KT	Hàng năm	

		17/2021/TT-BGDĐT;		đánh giá sinh viên đạt chuẩn đầu ra CTĐT.			
		Xây dựng kế hoạch đo lường đánh giá các CDR của CTĐT theo từng khóa tuyển sinh.	Ban hành hướng dẫn đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần. (MCGK.05.01.03)	Tiếp tục triển khai các phương pháp đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần.	Phòng KT&ĐBCLGD	Hàng năm	
Tiêu chí 5.2	Đạt, 4	Rà soát, điều chỉnh ĐCCT các học phần	- Biên bản họp khoa/bộ môn - So sánh ĐCCT trước và sau khi điều chỉnh. - ĐCCT điều chỉnh. (MCGK.05.02.01, 02)	Định kỳ rà soát, cập nhật ĐCCT theo kế hoạch của Nhà trường.	Khoa KT	Hàng năm	
		Rà soát quy định đào tạo tín chỉ	Quy định đào tạo tín chỉ mới được cập nhật. (MCGK.05.02.03)	Định kỳ rà soát quy định đào tạo tín chỉ các loại hình đào tạo.	P.ĐT	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Rà soát quy định đánh giá kết quả học tập của người học	Quy định đánh giá kết quả học tập của người học. (MCGK.05.02.04)	Định kỳ rà soát quy định liên quan đến phương pháp kiểm tra, đánh giá NH theo CDR, cập nhật theo CTĐT, CTDH được điều chỉnh.	P.KT&ĐBC LGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	Đã xin góp ý Dự thảo lần 02, đang hoàn thiện để ban hành
		Giao diện website được thiết kế phù hợp hơn để người học dễ dàng, thuận tiện trong việc tiếp cận các quy định về KTĐG.	- Giao diện website mới - Cổng thông tin đào tạo của Nhà trường; - Quy trình phúc khảo trực tuyến. (MCGK.05.02.05)	Tăng cường ứng dụng CNTT trong việc tiếp cận các quy định về KTĐG.	P.KT&ĐBC LGD; Bộ phận 1 của (P.CTSV)	Thường xuyên	
Tiêu chí 5.3	Đạt, 4	Điều chỉnh/xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (trong đó xây dựng thang đánh giá chi tiết về các mức của kiến thức, kỹ năng, thái độ) nhằm nâng cao hơn nữa tính khách quan trong đánh giá kết quả của người học.	- Kế hoạch/thông báo điều chỉnh, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; - Ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng, điều chỉnh. (MCGK.05.03.01)	- Định kỳ rà soát quy định liên quan đến phương pháp kiểm tra, đánh giá NH theo CDR, cập nhật theo CTĐT, CTDH được điều chỉnh; - Cập nhật, theo dõi tiến độ xây dựng NHCHT hằng năm/hàng kỳ.	P.KT&ĐBC LGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	

		Thực hiện phân tích kết quả đánh giá ở tất cả các học phần để đảm bảo yêu cầu đánh giá, nâng cao độ tin cậy, giá trị đề thi, kiểm tra.	- Dữ liệu phân tích phổ điểm về kết quả KTĐG của người học; - Biên bản họp bộ môn để đánh giá độ khó, độ tin cậy của các bài KTĐG; - Đề thi đã được cải tiến, điều chỉnh. (MCGK.05.03.02)	Tiếp tục thực hiện các quy trình khảo thí nhằm đảm bảo yêu cầu đánh giá, nâng cao độ tin cậy, giá trị đề thi, kiểm tra.	Khoa KT; P.KT&ĐBC LGD	Hàng kỳ	
Tiêu chí 5.4	Đạt, 4	Phổ biến và hướng dẫn về đánh giá quá trình học tập, kỹ năng học tập của SV theo CDR của các học phần thể hiện trong ĐCCT học phần đã được rà soát, điều chỉnh	- Biên bản họp khoa/bộ môn; - Các hình thức phổ biến và hướng dẫn đến NH. - So sánh ĐCCT trước và sau khi điều chỉnh. - ĐCCT điều chỉnh. (MCGK.05.02.01, 02)	Định kỳ rà soát, cập nhật ĐCCT theo kế hoạch của Nhà trường.	Khoa KT	Hàng năm	Theo KH của Nhà trường
Tiêu chí 5.5	Đạt, 4	Nhà trường/Khoa nên có quy định, quy trình cụ thể để giám sát, đánh giá việc khiếu nại về kết quả đánh giá học phần liên quan đến đánh giá các thành phần như chuyên cần, quá trình, đánh giá các kỹ năng thực hành, làm việc nhóm, báo cáo thuyết trình, bảo vệ đồ án tốt nghiệp,...	Rà soát quy định đào tạo tín chỉ (MCGK.05.05.01)	Nhà trường ban hành quy định tại điều 32 (QĐ 2886/QĐ-TĐHHN, 03/07/2024) về việc sử dụng LMS để giám sát học tập, làm bài, hoạt động học thuật của SV, cung cấp báo cáo tiến độ và phát hiện vi phạm sớm.	PĐT	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm	
Tiêu chuẩn 6							
Tiêu chí 6.1	Đạt, 4	Rà soát các văn bản về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và hoạt động phục vụ cộng đồng, từ đó tái cấu trúc tổ chức và hoạt động chung của toàn trường.	Ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (MCGK.06.01.01)	Định kỳ rà soát quy định trên cơ sở báo cáo thực tiễn triển khai công tác này.	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm	
		Rà soát kế hoạch phát triển đội ngũ GV dựa trên quy hoạch, kế hoạch xây dựng và	Kế hoạch tuyển dụng theo năm (MCGK.06.01.02)	Rà soát nhu cầu nhân lực theo năm và theo giai đoạn	P.TCHC; Khoa KT	Quý IV hàng năm	

		phát triển các CTĐT của trường.					
		Rà soát, cử cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ.	Thông báo nhu đăng ký nhu cầu ĐTBĐ hàng năm (MCGK.06.01.03)	Tiếp tục rà soát, cử cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ.			
		Rà khối lượng công việc phù hợp để GV có thể tập trung hoàn thành các khóa học ThS, TS để nâng cao trình độ cá nhân và nguồn lực GV chung của toàn trường.	Ban hành khối lượng công việc GV (MCGK.06.01.04)	Tiếp tục rà khối lượng công việc phù hợp để GV có thể tập trung hoàn thành các khóa học ThS, TS để nâng cao trình độ cá nhân và nguồn lực GV chung của toàn trường.	P.TCHC; Khoa KT	Quý IV hàng năm	
Tiêu chí 6.2	Chưa đạt, 3	Cần có giải pháp để nâng cao số lượng, chất lượng của đội ngũ GV để có thể tiếp tục phát triển bền vững, đặc biệt cần chú trọng nâng cao tỉ lệ GV có trình độ TS.	Nhà trường đã ban hành các chính sách hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ (từ năm học 2023-2024 Nhà trường giữ nguyên lương cho GV đi làm NCS và miễn toàn bộ công việc cho GV trong thời gian học tập). MCGK.06.02.15, MCGK.06.02.16 MCGK.06.02.19 - MCGK.06.02.23	Tiếp tục khuyến khích đội ngũ GV học tập nâng cao trình độ, bên cạnh đó cần có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.	P.TCHC; Khoa KT	Quý I, hàng năm	
		Cần thực hiện đánh giá nhu cầu của thị trường lao động một cách hệ thống để xây dựng và điều chỉnh quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo, lĩnh vực nghiên cứu phù hợp với cả nhu cầu xã hội và thế mạnh của Trường, Khoa. Trên cơ sở đó có thể xây dựng được một quy hoạch trung và dài hạn để phát triển đội ngũ GV	Phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng. Nâng cao trình độ về chuyên môn giảng dạy và NCKH. Nhà trường đã đưa ra các yêu cầu cao hơn về khối lượng NCKH của GV, khuyến khích GV và người học trong các hoạt động NCKH. MCGK.06.02.15, MCGK.06.02.16	Khuyến khích GV, NH tham gia tích cực hơn nữa vào hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng, KK GV tiếp tục học tập nâng cao trình độ, Thu hút thêm nhân sự chất lượng cao.	P.TCHC; Khoa KT	Quý I, hàng năm	

		hợp lý và bền vững.					
Tiêu chí 6.3	Đạt, 4	Rà soát văn bản quy định hoạt động tuyển dụng, điều chuyển giảng viên, nhân viên phù hợp với thực tế.	Các văn bản tuyển dụng, điều chuyển; (MCGK.06.03.01)	Tiếp tục rà soát văn bản quy định hoạt động tuyển dụng, điều chuyển giảng viên, nhân viên phù hợp với thực tế.	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
Tiêu chí 6.4	Đạt, 4	Xây dựng kế hoạch thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV cụ thể hơn nữa theo từng vị trí việc làm phù hợp với mỗi CTĐT.	Có KH thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV cụ thể theo từng vị trí việc làm. (MCGK.06.03.01) (MCGK.06.04.01)	Định kỳ thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV theo từng vị trí việc làm	P.TCHC; Khoa KT	Hàng năm	
Tiêu chí 6.5	Đạt, 4	Tăng cường mở các lớp tập huấn về hoạt động giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến	Thông báo đăng nhu cầu ĐTBĐ các đơn vị để mở lớp tập huấn . (MCGK.06.05.01)	Tiếp tục tăng cường mở các lớp tập huấn về hoạt động giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến.	P.ĐT; P.KT&ĐBCL GD	Hàng năm	
Tiêu chí 6.6	Đạt, 4	Rà soát hệ thống văn bản đề hướng đến thực hiện quản trị theo kết quả đầu ra một cách hệ thống.	- Thông báo triển khai. - Các văn bản được rà soát. (MCGK.06.06.01)	Định kỳ rà soát hệ thống văn bản đề hướng đến thực hiện quản trị theo kết quả đầu ra	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
Tiêu chí 6.7	Đạt, 4	- Tăng cường trao đổi, ký kết các Biên bản ghi nhớ với các địa phương; - Triển khai các kế hoạch NCKH của địa phương; - Xây dựng mạng lưới NCKH với các đối tác.	- Biên bản ghi nhớ; - Hội thảo ứng dụng chuyển giao kết quả NCKH. (MCGK.06.07.01)	Tăng cường tổ chức Hội thảo ứng dụng chuyển giao kết quả NCKH nhằm xây dựng mạng lưới NCKH với các đối tác.	Khoa KT; P.KHCN&HT QT	Hàng năm	
		- Bổ sung cơ chế, chính sách đối với các nghiên cứu sinh, các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ/Tỉnh công bố quốc tế; - Khen thưởng và khuyến khích các giảng viên công bố quốc tế và tham gia viết sách có mã số ISBN, xuất bản nước	- Bổ sung kinh phí NCKH trong Quy chế chi tiêu nội bộ; - Kế hoạch hợp tác với các đối tác. (MCGK.06.07.02)	Hàng năm rà soát, bổ sung cơ chế chính sách đối với các nghiên cứu sinh, các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ/Tỉnh công bố quốc tế;	Khoa KT; P.KHTC; P.KHCN&HT QT	Hàng năm	

		ngoài; - Xây dựng kế hoạch để giảng viên tham gia trao đổi, nghiên cứu với các đối tác nước ngoài.					
Tiêu chuẩn 7							
Tiêu chí 7.1	Đạt, 4	Rà soát lại các mẫu phiếu lấy ý kiến các bên liên quan quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV theo vị trí việc làm.	Các mẫu phiếu được rà soát. (MCGK.07.01.01)	Định kỳ rà soát mẫu phiếu	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Phân tích dự báo nhu cầu phát triển nhân viên theo chiến lược phát triển của Trường, của Khoa.	- Thông báo soát; - Báo cáo kết quả rà soát. (MCGK.07.01.02)	Thực hiện Phân tích dự báo nhu cầu phát triển nhân viên theo chiến lược phát triển của Trường, của Khoa.	Khoa KT; P.TCHC	Hàng năm	
Tiêu chí 7.2	Đạt, 4	Đa dạng các hình thức đăng tải thông báo kế hoạch và tiêu chí tuyển dụng đa dạng nhằm thu hút được nhiều người quan tâm để lựa chọn cho tuyển dụng phong phú hơn trên các báo điện tử và báo giấy.	- Hình ảnh, link trang website (MCGK.07.02.01)	Tăng cường các hình thức đăng tải thông báo kế hoạch và tiêu chí tuyển dụng đa dạng nhằm thu hút được nhiều người quan tâm.	P.TCHC	Hàng năm	
		Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp và tính hiệu quả của chính sách chủ nhiệm lớp	- Báo cáo công tác chủ nhiệm lớp; - Tổng kết công tác CNL theo năm học. (MCGK.07.02.02)	Thường xuyên kiện toàn và tổng kết hoạt động CNL nhằm bám sát, triển khai các hoạt động phục vụ NH được hiệu quả.	Khoa KT; P.CTSV.	Hàng năm	
Tiêu chí 7.3	Đạt, 4	Xây dựng quy định tiêu chuẩn, năng lực đội ngũ NV gắn với VTVL trong đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ (bao nhiêu % thì được là HTNV).	- Thông báo triển khai phần mềm Nhật ký công việc KPI. - Phiếu đăng ký nhiệm vụ của khối NVHT. (MCGK.07.03.01)	Định kỳ rà soát quy định tiêu chuẩn, năng lực đội ngũ NV gắn với VTVL	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Cải tiến mẫu phiếu khi khảo	- Thông báo khảo sát				

		sát phải điền rõ vị trí việc làm và đơn vị vào mẫu phiếu.	- Mẫu phiếu khảo sát; (MCGK.07.03.02)				
Tiêu chí 7.4	Đạt, 4	Triển khai mở các lớp tập huấn các chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý học vụ cho đội ngũ NV phù hợp với vị trí việc làm ở khoa đào tạo (giáo vụ khoa, chủ nhiệm lớp)	- Kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng; - TB tổ chức lớp; - QĐ cử đi đào tạo. (MCGK.07.04.01)	Định kỳ mở các lớp tập huấn các chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý học vụ cho đội ngũ NV phù hợp với VTVL	- Khoa KT; - P.TCHC	Hàng năm	
		Triển khai thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV	- Thông báo; - Báo cáo kết quả rà soát. (MCGK.07.03.02)	Thường kỳ khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV.	P.TCHC	Hàng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
Tiêu chí 7.5	Đạt, 4	Xây dựng hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ cán bộ hỗ trợ	Phê duyệt kế hoạch công tác năm của các đơn vị (MCGK.07.05.01, MCGK.07.05.02)	Xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.	P.TCHC	Hàng năm	
Tiêu chuẩn 8							
Tiêu chí 8.1	Đạt, 4	Khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và nhu cầu nguồn nhân lực. Từ đó phân tích và dự báo để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành.	- Phiếu khảo sát; - Kế hoạch/Thông báo khảo sát; - Kết quả khảo sát; - Báo cáo phân tích, dự báo thị trường lao động để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành. (MCGK.08.01.01)	Thường kỳ khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và nhu cầu nguồn nhân lực.	Khoa KT; - P.ĐT	Hàng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
		Rà soát, điều chỉnh CTĐT theo yêu cầu của thị trường lao động.	Các sản phẩm của CTĐT sau khi điều chỉnh; các minh chứng khảo sát, bản tổng hợp ý kiến khảo sát của các bên liên quan, đặc biệt về yêu cầu	Định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT theo yêu cầu của thị trường lao động.	Khoa KT; - P.ĐT	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm

			của thị trường lao động. (MCGK.01.01.01, 02, 03)				
		Phát huy vai trò của công tác tư vấn, hướng nghiệp trong tuyển sinh.	- Các minh chứng trong công tác tư vấn, hướng nghiệp về tuyển sinh của ngành; - Thành lập Ban TT và TVTS. (MCGK.08.01.02)	Tăng cường hơn nữa hoạt động truyền thông tư vấn, hướng nghiệp trong tuyển sinh.	Khoa KT; - Ban TT&TVTS.	Hàng năm	
Tiêu chí 8.2	Đạt, 5	Nhà trường cần có đánh giá về phương thức và tiêu chí tuyển sinh một cách bài bản như tổ chức các Hội nghị về công tác tuyển sinh, khảo sát lấy ý kiến của đầy đủ các bên liên quan như: SV, GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học ... về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, từ đó điều chỉnh, bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển sinh theo đặc thù của ngành.	Tổ chức các Hội nghị về công tác tuyển sinh, khảo sát lấy ý kiến của đầy đủ các bên liên quan như: SV, GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học ... về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, từ đó điều chỉnh, bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển sinh; đa dạng hóa các hệ và hình thức đào tạo theo đặc thù của ngành. (MCGK.08.02.01 MCGK.08.02.02)	1. Tăng cường tư vấn nghề nghiệp cho học sinh THPT về CNTT, giúp nâng cao chất lượng đầu vào và sự phù hợp của SV. 2. Hợp tác với doanh nghiệp trong tuyển sinh qua học bổng, thực tập liên kết, và cung cấp cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.	PĐT	Định kỳ hằng năm	
Tiêu chí 8.3	Đạt, 4	Cần có các biện pháp hỗ trợ tích cực để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn, giảm tỷ lệ SV thôi học	- Báo cáo thống kê về tình hình thôi học và buộc thôi học năm học 2021-2022; - Báo cáo thống kê về tình hình thôi học và buộc thôi học năm học 2022-2023; - Báo cáo thống kê về tình hình thôi học và buộc thôi học năm học 2023-2024 Sổ theo dõi sinh viên đến xin thôi học (MCGK.08.03.01÷04)	Bảng thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn. Bảng thống kê tỷ lệ SV thôi học, nguyên nhân SV thôi học. Báo cáo tổng hợp, phân tích tình trạng SV Thôi học hàng năm. - Sổ theo dõi, tư vấn và hỗ trợ sinh viên đến xin thôi học.	P. ĐT, P. CTSV	Hàng năm	
		Mở các học kỳ bổ sung, các đợt học lại, học cải thiện điểm	- Các TB/KH đăng ký học, học lại, học cải thiện điểm cho sinh viên	Mở các học kỳ bổ sung, các đợt học lại, học cải thiện điểm	P. ĐT	Hàng kỳ	

			(MCGK.08.03.20÷23)				
		GVCN, CVHT và các phòng ban chức năng tăng cường giám sát, hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện ở trường	Kế hoạch và thông báo giám sát kết quả học tập, rèn luyện các học kỳ năm học 2022-2023 và 2023-2024, cùng toàn khóa đối với sinh viên khóa 8 và khóa 9. Kế hoạch tập huấn công tác chủ nhiệm và cố vấn học tập cho năm học 2022-2023 và 2023-2024. (MCGK.08.03.05 ÷ 19)	Kế hoạch giám sát kết quả học tập và rèn luyện, thông báo kết quả hàng kỳ và toàn khóa. Xây dựng phần mềm cảnh báo KQHT và RL, tổ chức hội nghị tập huấn CNL, CVHT hàng năm.	P.CTSV	Hàng kỳ	
Tiêu chí 8.4	Đạt, 4	Xây dựng các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp để tăng khả năng tìm việc làm phù hợp với ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp	- Kế hoạch tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm năm 2024 - Báo cáo kết quả tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm năm 2024. (MCGK.08.04.01, MCGK.08.04.02)	Các văn bản, kế hoạch, ghi nhớ, thỏa thuận về các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp	P.CTSV	Hàng năm	
		Tổ chức các lớp ngoại ngữ/các câu lạc bộ cho người học	- Tổ chức các lớp học Tiếng Anh vì cộng đồng; - Thành lập các CLB thể thao cho sinh viên (MCGK.08.04.03÷ 10)	Kế hoạch/thông báo/Quyết định mở các lớp học/câu lạc bộ	P.CTSV	Hàng năm	
Tiêu chí 8.5	Đạt, 4	- Trồng bổ sung cây xanh trong khuôn viên Nhà trường; - Nhà trường nên nâng cấp KTX.	- Hợp đồng/ kế hoạch trồng, chăm sóc bổ sung cây xanh; - Hợp đồng/ kế hoạch nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ NH. (MCGK.08.05.01)	Đầu tư cho hạ tầng, cơ sở vật chất tạo môi trường sư phạm phục vụ tốt cho NH	- P.QTTB; - P.KHTC;	Hàng năm	Tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tiếp theo.
		- Bổ sung trang thiết bị và dụng cụ y tế - Phần mềm quản lý phục vụ khám chữa bệnh, cấp phát thuốc cho trạm	- Quyết định/hợp đồng/Tờ trình mua trang thiết bị y tế; - Lập và sử dụng sổ điện tử về theo dõi và quản lý việc khám cấp phát thuốc một	Tiếp tục phối hợp với y tế cơ sở tại địa phương để thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh;	P.CTSV	Giai đoạn 2025 -2026	Tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tiếp theo.

		y tế.	cách khoa học. (MCGK.08.05.02)				
Tiêu chuẩn 9							
Tiêu chí 9.1	Đạt, 4	Khảo sát lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất	Báo cáo phân tích kết quả khảo sát về cơ sở vật chất. (MCGK.09.01.01)	Thường xuyên thực hiện khảo sát, lấy ý kiến NH, CBGV trong Trường về CSVC, trang thiết bị theo kế hoạch của Nhà trường.	P.QTTB	Hàng năm	
		Khảo sát cán bộ, nhân viên trong trường về cơ sở vật chất					
		Sửa chữa nền giảng đường nhà A, tạo môi trường tâm lý và cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo.	Thay gạch lát nền khu giảng đường nhà A. (MCGK.09.01.02)	Tiếp tục đầu tư cho cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH tương xứng với điều kiện phát triển của Nhà trường.	- P.QTTB; - P.KHTC.	Hàng năm	
		Bảo dưỡng hệ thống điều hòa trong toàn trường	Đảm bảo các thiết bị nhà trường hoạt động tốt đáp ứng học tập và NCKH của NH. (MCGK.09.01.03)	Tiếp tục duy trì và thường xuyên đảm bảo các thiết bị nhà trường/khoa hoạt động tốt đáp ứng học tập và NCKH của NH.	P.QTTB	Hàng năm	
Tiêu chí 9.2	Đạt, 4	Tăng cường xây dựng và thực hiện kế hoạch biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo	- Danh mục giáo trình chuyên ngành được bổ sung hằng năm; - Các quyết định lựa chọn nguồn học liệu đưa vào giảng dạy tại Trường. (MCGK.09.02.01)	Tăng cường xây dựng và thực hiện kế hoạch biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo	Khoa KT; TT.TV&CN TT; P.ĐT	Hàng năm	
		Số hóa tài liệu nội sinh: giáo trình, khóa luận/luận văn, sản phẩm NCKH...	Tài liệu nội sinh được bổ sung hằng năm. (MCGK.09.02.02)	Tiếp tục định kỳ số hóa tài liệu nội sinh: giáo trình, khóa luận/luận văn, sản phẩm NCKH...	Khoa KT; TT.TV&CN TT; P.ĐT	Hàng năm	
		Bổ sung các kết nối CSDL với các thư viện khác	- Tài khoản truy cập CSDL các thư viện khác	Đa dạng, mở rộng liên kết tới nhiều nguồn CSDL.	Khoa KT; TT.TV&CN TT;	Hàng năm	
		Mua quyền truy cập CSDL	- Thông báo/Quyền truy cập				

		hàng năm	CSDL điện tử. (MCGK.09.02.03)				
Tiêu chí 9.3	Đạt, 4	Trường cần trang bị máy tính cấu hình cao cho phòng thực hành để hỗ trợ giảng dạy các học phần thực hành thuộc khối kiến thức chuyên ngành.	Nhà trường đã bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng thực hành chuyên ngành của Khoa KT. Nhà trường đã sắp xếp một số lớp có nội dung thực hành học tại các phòng học chuyên ngành dành riêng cho Khoa KT. (MCGK.09.03.01)	Tiếp tục rà soát, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng thực hành chuyên ngành của Khoa KT.	Khoa KT		
Tiêu chí 9.4	Đạt, 4	Tăng cường khảo sát ý kiến GV, SV và các bên liên quan khác để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hệ thống CNTT.	Báo cáo khảo sát ý kiến GV, SV và các bên liên quan khác về đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hệ thống CNTT. (MCGK.09.04.01)	Định kỳ lấy ý kiến GV, SV và các bên liên quan khác về đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hệ thống CNTT.	Khoa KT; TT.TV&CN TT.	Hàng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
		Tiếp tục nghiên cứu, thí điểm triển khai các hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS và LCMS để hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo.	Tờ trình đề xuất thí điểm triển khai các hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS và LCMS. (MCGK.09.04.02)	Tiếp tục đầu tư phát triển các hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS và LCMS.	Khoa KT; TT.TV&CN TT; P.ĐT	Hàng năm	
		Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống phần mềm QLĐT dùng chung trong toàn Trường	Biên bản nghiệm thu/quyết toán đưa vào khai thác sử dụng PM mới. (MCGK.09.04.03)	Chủ động khai thác hiệu quả PM mới.	Khoa KT; P.ĐT.		Đã hoàn thành
Tiêu chí 9.5	Đạt, 4	Xây dựng kế hoạch/thông báo đánh giá độc hại môi trường và an toàn lao động.	Kế hoạch Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng, chống ngộ độc thực phẩm trong nhà trường năm 2024 (MCGK.09.05.01)	Kế hoạch/Thông báo đánh giá độc hại môi trường và an toàn lao động	P.CTSV	Quý IV, Hàng năm	
		Nâng cấp KTX.	- Quyết định Phê duyệt dự toán kinh phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện “Sửa chữa, thay thế hệ thống trực	Tiếp tục nâng cấp KTX	TT.DVTH	Quý IV/2026	Tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tiếp

			thoát nước và gia công lắp đặt hoa sắt lan can cầu thang cho Ký túc xá nhà D, cơ sở 1” - Quyết định Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu “Sửa chữa, ốp, lát, sơn mới một số phòng và công trình phụ trợ cho Ký túc xá nhà D, cơ sở 1” (MCGK.08.05.01, MCGK.08.05.02)				theo.
Tiêu chuẩn 10							
Tiêu chí 10.1	Đạt, 4	Cần khảo sát nhu cầu của nhà tuyển dụng ngoài nhà nước để điều chỉnh CĐR, CTDH, và vị trí việc làm ngành đào tạo. Nên tổ chức hội nghị, phỏng vấn trực tiếp để thu thập ý kiến và phân tích sâu CTĐT ngoài trường để điều chỉnh phù hợp.	Nhà trường thu thập nhu cầu nhà tuyển dụng và cựu sinh viên qua khảo sát và hội nghị để điều chỉnh CĐR, CTĐT theo xu hướng thị trường lao động. (MCGK.10.01.02)	Tiếp tục thực hiện khảo sát nhu cầu các bên liên quan để điều chỉnh CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội. Triển khai đối sánh CTĐT ngành với các CTĐT trong và ngoài Trường.	Phòng CTSV; Khoa KT	Thường xuyên hằng năm	
Tiêu chí 10.2	Chưa đạt, 3	Nhà trường cần sớm xây dựng và thực hiện quy trình rà soát, đánh giá một cách chủ động, bài bản và hệ thống mức độ phù hợp, tính hiệu quả của các quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã ban hành để cải tiến. Việc rà soát, đánh giá cần mang tính tổng thể, toàn bộ quy trình, đồng thời cũng cần xem xét từng khâu trong quy trình, từng công cụ, hình thức thu thập thông tin cũng như phạm vi và nhóm đối tượng cung cấp thông tin,...	Xây dựng và thực hiện quy trình rà soát, đánh giá một cách chủ động, bài bản và hệ thống mức độ phù hợp, tính hiệu quả của các quy trình thiết kế và phát triển. (MCGK.10.02.01)	- Rà soát điều chỉnh toàn bộ biểu mẫu về chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết, bản mô tả chương trình đào tạo dựa trên các góp ý của chuyên gia, khuyến nghị đoàn đánh giá Trường, đánh giá CTĐT; - Điều chỉnh về nội dung của CTĐT đảm bảo tính chặt chẽ, logic, đồng bộ trong toàn trường, thể hiện rõ định hướng ứng dụng và tính kết nối theo	PĐT	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/05 năm	

				hướng liên thông ngang, liên thông dọc giữa các chương trình đào tạo toàn trường và chương trình đào tạo theo từng nhóm ngành, lĩnh vực;			
Tiêu chí 10.3	Đạt, 4	Cần tăng cường biện pháp để thu hút sinh viên tham gia khảo sát, đa dạng hóa kênh đánh giá hoạt động dạy và học. Bổ sung câu hỏi về KTĐG vào khảo sát và tổ chức khảo sát chuyên đề để cải tiến chất lượng.	Nhà trường đã triển khai các công cụ khảo sát để lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, cựu sinh viên, và nhà tuyển dụng về CTĐT, dạy học và KTĐG, đồng thời báo cáo kết quả đánh giá CĐR và lập kế hoạch hành động của khoa. (MCGK.10.03.01 - 03)	Khoa sẽ tổ chức các buổi họp giữa GVCN và SV định kỳ để lắng nghe thông tin phản hồi từ SV được đầy đủ, kịp thời hơn. Báo cáo kết quả khảo sát cuối học kỳ và kế hoạch hành động của Khoa.	Khoa KT	Thường xuyên hằng kỳ	
		Đưa hình thức đào tạo trực tuyến e-Learning trong mục tiêu chiến lược phát triển đào tạo.	Năm 2024, Nhà trường đã hoàn thiện các quy định về dạy học trực tuyến, xây dựng và đưa vào triển khai thực hiện hình thức đào tạo trực tuyến e-Learning. (MCGK.09.04.03)	Điều chỉnh hình thức học trực tuyến và học trực tiếp cho phù hợp với tình hình xu thế hiện nay.	PĐT	Hàng năm	
		Cần hướng dẫn thiết kế và sử dụng hình thức kiểm tra phù hợp với chuẩn đầu ra, đặc biệt là năng lực tự chủ, trách nhiệm, kỹ năng mềm, cùng tiêu chí đánh giá độ tin cậy, giá trị và độ khó của đề thi.	Nhà trường đã đưa ra những quy định về quá trình dạy và học cùng với các phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập được rà soát, điều chỉnh. (MCGK.05.02.03, 04)	Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát điều chỉnh các văn bản hướng dẫn thiết kế bài kiểm tra đánh giá cho phù hợp.	P, KT&ĐBCL GD	Hàng năm	
		Tổ chức tập huấn cho tất cả GV tham gia giảng dạy CTĐT về phương pháp dạy và học và đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.	Báo cáo về tổ chức hội thảo/tập huấn về phương pháp dạy - học. (MCGK.10.02.02)	Tiếp tục tổ chức đánh giá kết quả đánh giá mức độ đạt được CĐR của chương trình.	PĐT	Hàng năm	

Tiêu chí 10.4	Đạt, 4	Cần khuyến khích NCKH ứng dụng để cải tiến dạy-học, nâng cao chất lượng học liệu, và đánh giá hiệu quả ứng dụng. Nhà trường nên thúc đẩy sáng kiến PBL, STEM, khuyến khích sinh viên NCKH để phát triển kỹ năng tự học và sáng tạo.	Nhà trường hỗ trợ kinh phí NCKH cho giảng viên và sinh viên, phổ biến qua kế hoạch hàng năm. Số lượng và chất lượng đề tài NCKH sinh viên tăng, nhiều đề tài đạt giải. Nhà trường tổ chức thi NCKH và lập Hội đồng Khoa KT để thúc đẩy sáng kiến và ứng dụng. (MCGK.10.04.01-08)	Khuyến khích NCKH sinh viên, phát triển chương trình, tham gia thi quốc gia và quốc tế, cập nhật thông tin thi, kiện toàn đội ngũ và thực hiện đề tài nghiên cứu.	P.KHCN&H TQT; Khoa KT	Hàng năm	
Tiêu chí 10.5	Đạt, 4	Điều chỉnh nội dung câu hỏi khảo sát, nên có các câu hỏi mở, cải tiến cách hỏi về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Câu hỏi mở khảo sát được bổ sung, trên cơ sở rà soát các mẫu phiếu. (MCGK.10.05.01)	Định kỳ rà soát các mẫu phiếu sau các lần khảo sát. Có báo cáo trong đó đánh giá tính hiệu quả các định hướng hành động.	- TT.TV&CN TT (phụ trách về câu hỏi khảo sát hệ thống CNTT, phòng thực hành máy tính và thư viện); - TT.DVTH (phụ trách về câu hỏi khảo sát ký túc xá, dịch vụ ăn uống, trông giữ xe); - P.QTTB (phụ trách về câu hỏi khảo sát CSVC); - Khoa (phụ trách về câu hỏi khảo sát về dịch vụ	Hàng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
		Xây dựng giải pháp/hành động khả thi cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và CSVC của Trường, trên cơ sở kết quả khảo sát.	Báo cáo khảo sát các dịch vụ hỗ trợ (trong đó có nêu rõ giải pháp/hành động khả thi cải tiến chất lượng các dịch vụ này). (MCGK.10.05.02)				

					tại phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy được giao).		
Tiêu chí 10.6	Đạt, 4	Rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan: - Mức độ phù hợp, tính hiệu quả của bộ công cụ; - Cách thức thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng báo cáo; - Cơ chế phối hợp giữa P.KT&ĐBCLGD với các đơn vị thực hiện khảo sát ; - Quy định/cơ chế sử dụng kết quả khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng và ra quyết định.	- Kế hoạch rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan; - Biên bản kết quả rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi; - Quy định cơ chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sau rà soát; - Bộ công cụ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đã được cập nhật). (MCGK.10.06.01)	Định kỳ rà soát đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, nhằm sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng và ra quyết định.	P.KT&ĐBCLGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần /02 năm.	
Tiêu chuẩn 11							
Tiêu chí 11.1	Đạt, 4	Những giải pháp thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV bỏ học giúp nâng cao chất lượng đào tạo.	- Bảng thống kê tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp của các khóa - Bảng thống kê số lượng, thời điểm, nguyên nhân SV bỏ học - Sổ theo dõi, tư vấn và tìm hiểu lý do sinh viên xin thôi học. (MCGK.11.01.01)	Thường xuyên có giải pháp thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV bỏ học giúp nâng cao chất lượng đào tạo.	- Khoa KT; - P.ĐT; - P.CTSV	Hàng năm	
Tiêu chí 11.2	Đạt, 4	Các giải pháp hiệu quả để hạn chế việc SV các khóa chưa tốt nghiệp.	Trên cơ sở bảng thống kê tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp các khóa, khoa/Trường có các giải pháp cụ thể để hạn chế việc SV các khóa chưa tốt nghiệp. (MCGK.11.01.02)	- Tăng cường hơn nữa vai trò CVHT, CNL; - Thường xuyên tổ chức các lớp học cải thiện, học tiến độ nhanh cho SV có nhu cầu.	- Khoa KT; - P.ĐT; - P.CTSV	Hàng năm	
		Đổi mới thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành	Báo cáo so sánh đổi mới cấp CTĐT ngành, trong đó có	Định kỳ thực hiện so sánh, đổi mới CTĐT	- Khoa KT; - P.ĐT;	Hàng năm	Theo KH so sánh,

		với các CTĐT của các trường khác ở trong và ngoài nước. Từ đó phân tích kết quả đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT.	chỉ số đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành giữa các năm và với các trường khác. (MCGK.11.02.01)	theo KH của Nhà trường (bám sát Thông tư 01/2024/BGDĐT)	- P.CTSV		đối sánh CTĐT chung của Trường
Tiêu chí 11.3	Đạt, 4	Trang bị các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của Nhà tuyển dụng, tăng tỷ lệ SVTN làm việc trong các lĩnh vực phù hợp với ngành nghề đào tạo	Kế hoạch tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm năm 2024. Báo cáo kết quả tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm năm 2024. (MCGK.08.04.01, MCGK.08.04.02)	Tiếp tục Tổ chức các lớp kỹ năng mềm, các buổi tọa đàm nghề nghiệp/ thị trường lao động	Khoa KT	Hàng năm	
		Xây dựng các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp để tăng khả năng tìm việc làm phù hợp với ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp		Các văn bản, kế hoạch, ghi nhớ, thỏa thuận về các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp	P.CTSV	Hàng năm	
Tiêu chí 11.4	Chưa đạt, 3	Bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích GV, SV tham gia nghiên cứu khoa học.	Được bổ sung kinh phí trong Quy chế chi tiêu nội bộ. (MCGK.11.04.01)	Hàng năm rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích GV, SV tham gia nghiên cứu khoa học.	- P.KHTC; P.KHCN&H TQT	Hàng năm	
		Có cơ chế hỗ trợ SV tham gia các cuộc thi trong và ngoài nước.					
		- Phổ biến các loại hình NCKH SV; - Tăng cường hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi NCKH trong và ngoài nước.	- Bổ sung kế hoạch Hàng năm về các loại hình NCKH SV; - Bổ sung kinh phí hỗ trợ SV tham gia các cuộc thi NCKH. (MCGK.11.04.02)				
		- Bổ sung các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH SV trong và ngoài nước; - Hình thành dữ liệu đội ngũ chuyên gia, giảng viên định hướng NCKH SV.	- Dữ liệu chuyên gia, giảng viên định hướng NCKH; - Các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH SV trong và ngoài nước. (MCGK.11.04.03)	Tiếp tục bổ sung các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH và HT trao đổi SV trong và ngoài nước.	- Khoa KT; P.KHCN&H TQT	Hàng năm	
Tiêu chí 11.5	Đạt, 4	Rà soát các mẫu phiếu lấy ý	Bộ mẫu phiếu lấy ý kiến phản	Định kỳ rà soát đánh	P.KT&ĐBCL	Định kỳ rà	

		kiến khảo sát.	hỏi của các bên liên quan (đã được chỉnh sửa 5 bậc đánh giá thang Likert, cập nhật nội dung mẫu phiếu) (MCGK.11.05.01)	giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, nhằm sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng và ra quyết định.	GD	soát ít nhất 01 lần /02 năm.	
		Điều chỉnh quy định trong đó quy ước thang Likert 5 bậc và thống nhất trong trường	Quy định lấy ý kiến phản hồi được cập nhật, điều chỉnh. (MCGK.11.05.02)				

(Kèm theo Kết quả cải tiến theo từng tiêu chí là Danh mục mã minh chứng tại Phụ lục II).

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy

PHỤ LỤC I

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG THEO TỪNG TIÊU CHÍ NGÀNH THỦY VĂN HỌC
(Kèm theo Báo cáo số: 4517/BC-TĐHHN ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt/ Chưa đạt;mức)	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa chu kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo							
Tiêu chí 1.1	Đạt, 4	Rà soát, điều chỉnh thống nhất về mục tiêu của CTĐT hệ chính quy ngành TVH cho phù hợp sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	Mục tiêu của CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy ngành TVH được điều chỉnh thống nhất trong ba văn bản: CTĐT, CTDH và Bản mô tả CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội và thị trường lao động. (MCGK.01.01.01.01, 02, 03)	Trong các năm tới, tiếp tục Khảo sát, phân tích, đánh giá, tổng hợp và lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh mục tiêu CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, bám sát theo chuẩn CTĐT của Bộ GDĐT.	Khoa KTTV	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm
Tiêu chí 1.2	Đạt, 4	Rà soát, điều chỉnh làm rõ hơn CĐR của CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy ngành TVH đảm bảo được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của ngành trong Trường.	CĐR của CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy ngành TVH được điều chỉnh thống nhất trong ba văn bản nhà trường ban hành: CTĐT, CTDH và Bản mô tả CTĐT đáp ứng yêu cầu chung của ngành và yêu cầu chuyên biệt của ngành trong Trường. (MCGK.01.01.01.01, 02, 03)	Tiếp tục định kỳ rà soát và cập nhật thông tin về yêu cầu nhân lực của ngành và liên ngành theo vị trí việc làm để kịp thời cập nhật CĐR đáp ứng yêu cầu của thời kỳ cách mạng 4.0 và sự chuyên biệt của CTĐT với các ngành khác trong và ngoài nước.	Khoa KTTV	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	

		Tích hợp vào CĐR một số kỹ năng của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, năng lực sáng tạo, tìm việc hướng đến khởi nghiệp và năng lực học tập suốt đời.	CĐR của CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy ngành TVH được điều chỉnh có tích hợp một số kỹ năng yêu cầu trong cuộc cách mạng 4.0, năng lực sáng tạo, khởi nghiệp và năng lực học tập suốt đời. (MCGK.01.01.01.01, 02, 03)	Định kỳ rà soát, cập nhật CTĐT.	Khoa KTTV	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm
		Lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT.	Báo cáo kết quả lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT. (MCGK.01.01.02.01)				
		Phân công cán bộ chuyên trách thường xuyên cập nhật thông tin về các bên liên quan đến CTĐT (gồm: nhà tuyển dụng, SDLĐ, nhà tuyển dụng tiềm năng, cựu SV, hiệp hội nghề nghiệp liên quan,...)	Danh sách cập nhật thường xuyên thông tin về các bên liên quan đến CTĐT (gồm: nhà tuyển dụng, SDLĐ, nhà tuyển dụng tiềm năng, cựu SV, hiệp hội nghề nghiệp liên quan,...) (MCGK.01.01.02.02)	Tiếp tục cập nhật thường xuyên thông tin về các bên liên quan đến CTĐT (gồm: nhà tuyển dụng, SDLĐ, nhà tuyển dụng tiềm năng, cựu SV, hiệp hội nghề nghiệp liên quan,...).	Khoa KTTV	Hằng năm	
		Ứng dụng CNTT trong việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan cho các lần rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT	Link khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (MCGK.01.01.02.03)		Khoa KTTV		
Tiêu chí 1.3	Chưa đạt, 3	Tiến hành khảo sát toàn bộ SVTN và khảo sát từ 50% nhà tuyển dụng trở lên trong khoảng thời gian 03 năm trước kỳ rà soát CTĐT.	Báo cáo kết quả khảo sát SVTN và nhà tuyển dụng theo định kỳ rà soát CTĐT. (MCGK.01.01.02.03)	Định kỳ rà soát, cập nhật CTĐT.	Khoa KTTV	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm
		Tổng hợp kết quả tiếp cận về CĐR của CTĐT theo các kênh truyền thông.	Bản tổng hợp các hình thức tiếp cận về CĐR của CTĐT theo các kênh truyền thông (như: tại Trang thông tin điện tử của Trường/Khoa; Tờ rơi tuyển sinh; Tuần sinh hoạt		Khoa KTTV	Hằng năm	

			sinh viên đầu khóa...) (MCGK.01.01.03.01)				
		Triển khai đa dạng hơn các hình thức phổ biến, công khai CĐR đến các bên liên quan.	Minh chứng cho việc thực hiện đa dạng hóa hình thức phổ biến, công khai CĐR đến các bên liên quan. (MCGK.01.01.03.02)				
		Làm rõ mục tiêu và CĐR của CTĐT và của mỗi học phần.	Mục tiêu và CĐR của CTĐT và của mỗi học phần đã được điều chỉnh làm rõ. (MCGK.01.01.01.01) (MCGK.01.01.03.03)	Định kỳ rà soát, cập nhật ĐCCT học phần.	Khoa KTTV	Hằng năm	
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo							
Tiêu chí 2.1	Đạt, 4	Rà soát, cập nhật và bổ sung, ban hành Bản mô tả CTĐT cho dễ hiểu, dễ tiếp cận với các đối tượng là học sinh, phụ huynh và các bên liên quan.	Bản mô tả CTĐT điều chỉnh và được thẩm định, ban hành theo đúng thể thức quy định của Nhà trường. (MCGK.01.01.01.01, 02, 03)	Tăng cường các kênh, hình thức tiếp cận, quảng bá đối với các bên liên quan về BMTCTĐT	- Khoa KTTV; - Ban TT&TVTS	Hằng năm	
Tiêu chí 2.2	Chưa đạt, 3	Rà soát, cập nhật bổ sung, chuẩn đầu ra và nội dung hệ thống đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành TVH đảm bảo có tính ứng dụng cao, dễ đánh giá và kiểm soát, đảm bảo chất lượng người học khi kết thúc các học phần.	Bộ đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành TVH phiên bản 2024 đã điều chỉnh. (MCGK.01.01.03.03)	- Định kỳ cập nhật ĐCCT đảm bảo theo kịp những thay đổi của công nghệ kỹ thuật gắn với ngành nghề; - Định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để rà soát, điều chỉnh phương pháp dạy và học cho phù hợp, đảm bảo chất lượng người học sau khi kết thúc học phần.	Khoa KTTV	Hằng năm	
Tiêu chí 2.3	Đạt, 4	Triển khai đa dạng hóa hình thức công khai phù hợp, phổ biến các thông tin về CTĐT, CTDH và bản mô tả ngành TVH đến các bên liên quan.	Minh chứng cho việc thực hiện đa dạng hóa hình thức công khai, phổ biến các thông tin về CTĐT, CTDH và bản mô tả CTĐT đến các bên liên	Định kỳ rà soát, cập nhật bản mô tả CTĐT có sự tham gia của các bên liên quan cũng như tiếp tục tăng cường phổ biến rộng rãi bản mô tả	Khoa KTTV	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm

			quan. (MCGK.01.01.03.01, 02)	CTĐT đến các đối tượng.			
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học							
Tiêu chí 3.1	Đạt, 4	Cập nhật, điều chỉnh CTDH với sự đột phá, đổi mới căn bản trong việc xác định tổ hợp PPGD, học tập, KTĐG nhằm thể hiện sự phù hợp, logic, gắn kết để đạt được CĐR.	- Xây dựng quy trình cập nhật, điều chỉnh CTĐT, ĐCCT, CTDH; - CTDH đã được cập nhật, điều chỉnh dựa trên CĐR. (MCGK.03.03.01.01)	Theo định kỳ rà soát, cập nhật CTĐT, nhà trường tiếp tục tổ chức tập huấn cho cán bộ giảng viên về các kiến thức và kỹ năng cập nhật nhất trong xây dựng ĐCCT, CTDH ...	- Khoa KTTV; - P.ĐT; - P.KT&ĐBCLGD	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm
		Lấy ý kiến các bên liên quan (gồm: nhà tuyển dụng, cựu SV, hiệp hội nghề nghiệp liên quan, cán bộ quản lý chuyên môn, GV, chuyên gia ngoài Nhà trường) phục vụ cho điều chỉnh, cập nhật CTDH	Báo cáo kết quả lấy ý kiến các bên liên quan phục vụ cho điều chỉnh, cập nhật CTDH. (MCGK.03.03.01.02)	Định kỳ rà soát, cập nhật ĐCCT học phần, CTDH, các nội dung phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá NH.	Khoa KTTV		
		Thực hiện đối sánh CTĐT ngành TVH của Trường với các CTĐT tương tự ngoài Trường (phân tích sâu hơn về các nội dung của CTDH và từng học phần)	Báo cáo kết quả đối sánh cấu trúc, nội dung CTĐT ngành TVH của Trường với các CTĐT tương đương ngoài Trường. (MCGK.03.03.01.03)	Tiếp tục học hỏi, tham khảo các thực hành tốt, các điểm mạnh trong CTĐT của các CSGD khác.	Khoa KTTV	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm
Tiêu chí 3.2	Chưa đạt, 3	- Rà soát, xác định và chỉ rõ mức độ đóng góp của mỗi khối kiến thức, mức độ đóng góp của từng học phần vào việc thực hiện CĐR của CTĐT của CTĐT ngành TVH; - Cập nhật bảng ma trận CĐR thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần để đạt được CĐR của ngành TVH; bổ sung nội dung đóng góp của từng	- Các bảng ma trận CĐR điều chỉnh, cập nhật. (MCGK.01.01.01.01) - Bộ ĐCCT phiên bản 2024, bổ sung nội dung đóng góp của từng chương, mục đối với CĐR của học phần vào CĐR của CTĐT. (MCGK.01.01.03.03) - Trường tổ chức tập huấn chi tiết công tác xây dựng CTĐT, ĐCCT về PP đánh giá NH	Theo định kỳ rà soát, cập nhật CTĐT, nhà trường tiếp tục tổ chức tập huấn cho cán bộ giảng viên về các kiến thức và kỹ năng cập nhật nhất trong xây dựng ĐCCT, CTDH ...	- Khoa KTTV; - P.ĐT; - P.KT&ĐBCLGD		

		chương, mục đối với CĐR của học phần vào CĐR của CTĐT trong đề cương chi tiết từng học phần.	theo CĐR: (MCGK.03.03.02.01)				
		Lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung CTĐT, nội dung của từng học phần của CTĐT ngành TVH.	Báo cáo kết quả lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung CTĐT, nội dung từng học phần của CTĐT ngành TVH. (MCGK.03.03.02.03x)	Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung CTĐT, nội dung từng học phần của CTĐT ngành TVH.	Khoa KTTV	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm
Tiêu chí 3.3	Đạt, 4	Cập nhật, điều chỉnh cấu trúc CTDH theo sự thay đổi của CTĐT và đề cương chi tiết học phần và hoàn thiện hơn về cấu trúc và logic của CTDH.	Đã cập nhật, điều chỉnh CTDH phiên bản 2024. (MCGK.01.01.01.03)	Định kỳ cập nhật, điều chỉnh cấu trúc CTDH theo sự thay đổi của CTĐT và đề cương chi tiết học phần	Khoa KTTV		

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiêu chí 4.1	Đạt, 4	Xây dựng được mục tiêu giáo dục ngành TVH theo mục tiêu giáo dục của Trường và cập nhật trong CTĐT, bản mô tả CTĐT và CTDH và phổ biến tới các bên liên quan.	- Triết lý giáo dục của Nhà trường; - Danh sách các hình thức công bố mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của ngành TVH đối với các bên liên quan. (MCGK.04.04.01.01, 02)	Thường xuyên phổ biến về mục tiêu giáo dục, triết lý của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của ngành TVH đối với các bên liên quan thông qua các tài liệu CTĐT, Bản mô tả CTĐT, CTDH	- Khoa KTTV; - Ban TT&TVTS; - P.TCHC	Thường xuyên	
		Công bố và phổ biến về mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của ngành TVH đối với các bên liên quan thông qua các tài liệu CTĐT, Bản mô tả CTĐT, CTDH được đăng tải trên các trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và gửi đến các đơn vị hợp tác; Tổng hợp kết quả tiếp cận mục tiêu giáo dục	- Minh chứng về hoạt động Công bố và phổ biến về mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của ngành TVH đối với các bên liên quan; - Bản mô tả CTĐT, CTDH được đăng tải trên các trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và gửi đến các đơn vị hợp tác				

		dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của ngành TVH từ các bên liên quan.	- Tổng hợp kết quả hình thức tiếp cận mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của ngành TVH của các bên liên quan. (MCGK.04.04.01.02)				
Tiêu chí 4.2	Chưa đạt, 3	Rà soát, điều chỉnh CTDH và các hoạt động dạy học đảm bảo các hoạt động dạy, học được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt các CĐR khác nhau về kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần và toàn bộ CTĐT ngành TVH;	CTDH có điều chỉnh các hoạt động dạy học trong CTĐT và trong từng học phần của. (MCGK.01.01.01.03)	Định kỳ cập nhật, điều chỉnh cấu trúc CTDH theo sự thay đổi của CTĐT và đề cương chi tiết học phần.	Khoa KTTV	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm
Tiêu chí 4.3	Đạt, 4	Rà soát ĐCCT các học phần, điều chỉnh các PP dạy và học phù hợp với mục tiêu và CĐR của từng học phần.	Đề cương chi tiết các học phần có điều chỉnh các PP dạy và học phù hợp với mục tiêu và CĐR của từng học phần. (MCGK.01.01.03.03)				
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học							
Tiêu chí 5.1	Đạt, 4	Xây dựng kế hoạch để rà soát, điều chỉnh các hình thức đánh giá kết quả học tập của NH trong từng học phần của CTĐT cho phù hợp với việc đánh giá mức độ đạt CĐR của học phần và CTĐT	- ĐCCT học phần được thay đổi về hình thức đánh giá kết quả học tập của người học; - Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của người học đối với các học phần giảng dạy tại. (MCGK.05.05.01.01)	Định kỳ rà soát, cập nhật ĐCCT theo kế hoạch của Nhà trường.	Khoa KTTV	Hằng năm	
		Thực hiện đa dạng hóa các hình thức KTĐG, tăng cường sử dụng các hình thức đánh giá thông qua bài tiểu luận, báo cáo, làm việc nhóm, bài tập lớn	- ĐCCT học phần được đa dạng về hình thức đánh giá kết quả học tập của người học. (MCGK.01.01.03.03) - Bản đối sánh nội dung cập nhật giữa ĐCCT phiên bản 2022 và 2024.		Khoa KTTV	Hằng năm	

Tiêu chí 5.2	Đạt, 4	Rà soát, điều chỉnh ĐCCT các học phần	- Biên bản họp khoa/bộ môn - So sánh ĐCCT trước và sau khi điều chỉnh. - ĐCCT điều chỉnh. (MCGK.05.05.02.01, 02)	Định kỳ rà soát, cập nhật ĐCCT theo kế hoạch của Nhà trường.	Khoa KTTV	Hằng năm	
		Rà soát quy định đào tạo tín chỉ	Quy định đào tạo tín chỉ mới được cập nhật. (MCGK.05.05.02.03)	Định kỳ rà soát quy định đào tạo tín chỉ các loại hình đào tạo.	P.ĐT	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Rà soát quy định đánh giá kết quả học tập của người học	Quy định đánh giá kết quả học tập của người học. (MCGK.05.05.02.04)	Định kỳ rà soát quy định liên quan đến phương pháp kiểm tra, đánh giá NH theo CĐR, cập nhật theo CTĐT, CTDH được điều chỉnh.	P.KT&ĐBCLGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	Đã xin góp ý Dự thảo lần 2, đang hoàn thiện để ban hành
		Giao diện website được thiết kế phù hợp hơn để người học dễ dàng, thuận tiện trong việc tiếp cận các quy định về KTĐG.	- Giao diện website mới - Cổng thông tin đào tạo của Nhà trường; - Quy trình phúc khảo trực tuyến. (MCGK.05.05.02.05)	Tăng cường ứng dụng CNTT trong việc tiếp cận các quy định về KTĐG.	P.KT&ĐBCLGD; Bộ phận 1 cửa (P.CTSV)	Thường xuyên	
Tiêu chí 5.3	Đạt, 4	Điều chỉnh/xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (trong đó xây dựng thang đánh giá chi tiết về các mức của kiến thức, kỹ năng, thái độ) nhằm nâng cao hơn nữa tính khách quan trong đánh giá kết quả của người học.	- Kế hoạch/thông báo điều chỉnh, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; - Ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng, điều chỉnh. (MCGK.05.05.03.01)	- Định kỳ rà soát quy định liên quan đến phương pháp kiểm tra, đánh giá NH theo CĐR, cập nhật theo CTĐT, CTDH được điều chỉnh; - Cập nhật, theo dõi tiến độ xây dựng NHCHT hằng năm/hàng kỳ.	P.KT&ĐBCLGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Thực hiện phân tích kết quả đánh giá ở tất cả các học phần để đảm bảo yêu cầu đánh giá, nâng cao độ tin cậy, giá trị đề thi, kiểm tra.	- Dữ liệu phân tích phổ điểm về kết quả KTĐG của người học; - Biên bản họp bộ môn để đánh giá độ khó, độ tin cậy của các bài KTĐG; - Đề thi đã được cải tiến, điều	Tiếp tục thực hiện các quy trình khảo thí nhằm đảm bảo yêu cầu đánh giá, nâng cao độ tin cậy, giá trị đề thi, kiểm tra.	Khoa KTTV; P.KT&ĐBCLGD	Hằng kỳ	

			chỉnh. (MCGK.05.05.03.02)				
Tiêu chí 5.4	Đạt, 4	Phổ biến và hướng dẫn về đánh giá quá trình học tập, kỹ năng học tập của SV theo CDR của các học phần thể hiện trong ĐCCT học phần đã được rà soát, điều chỉnh	- Biên bản họp khoa/bộ môn; - Các hình thức phổ biến và hướng dẫn đến NH. - So sánh ĐCCT trước và sau khi điều chỉnh. - ĐCCT điều chỉnh. (MCGK.05.05.02.01, 02)	Định kỳ rà soát, cập nhật ĐCCT theo kế hoạch của Nhà trường.	Khoa KTTV	Hằng năm	Theo KH của Nhà trường
Tiêu chí 5.5	Đạt, 4	Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo	Phần mềm cập nhật chức năng phúc khảo online. (MCGK.05.05.02.05)	Tăng cường ứng dụng CNTT trong việc tiếp cận các quy định/quy trình về KTĐG đối với NH.	P.KT&ĐBCLGD; Bộ phận 1 cửa (P.CTSV)	Thường xuyên	

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chí 6.1	Đạt, 4	Rà soát các văn bản về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và hoạt động phục vụ cộng đồng, từ đó tái cấu trúc tổ chức và hoạt động chung.	- Thông báo rà soát nội dung này. - Báo cáo kết quả rà soát. (MCGK.06.06.01.01)	Định kỳ rà soát các văn bản về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và hoạt động phục vụ cộng đồng.	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Rà soát kế hoạch phát triển đội ngũ GV dựa trên quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển các CTĐT của trường.	- Thông báo - Báo cáo kết quả rà soát - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. (MCGK.06.06.01.02)	Định kỳ rà soát kế hoạch phát triển đội ngũ GV.	- Khoa KTTV; - P.TCHC	Hằng năm	
		Rà soát, cử cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ.	- Thông báo - Báo cáo kết quả rà soát - Kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng. (MCGK.06.06.01.03)	Định kỳ rà soát, cử cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ.	- Khoa KTTV; - P.TCHC	Hằng năm	
		Rà khối lượng công việc phù hợp để GV có thể tập trung hoàn thành các khóa học ThS, TS để nâng cao trình độ cá nhân và nguồn lực GV	- Thông báo; - Báo cáo kết quả rà soát. (MCGK.06.06.01.04)	Định kỳ rà khối lượng công việc phù hợp để GV có thể tập trung hoàn thành các khóa học ThS, TS để nâng cao trình độ cá nhân và	- Khoa KTTV; - P.TCHC	Hằng năm	

		chung của toàn trường.		nguồn lực GV.			
Tiêu chí 6.2	Đạt, 4	Rà soát, so sánh, đánh giá các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của các giảng viên theo năm để làm căn cứ cải tiến cho các năm tiếp theo đối với từng GV;	Bảng so sánh, đánh giá các kết quả đánh giá thường xuyên, hàng kỳ, năm về khối lượng công việc ở cả 3 nhóm hoạt động chủ yếu (ĐT, NCKH, PVCD) đối với từng GV. (MCGK.06.06.02.01)	Tiếp tục đánh giá các kết quả đánh giá thường xuyên, hàng kỳ, năm về khối lượng công việc ở cả 3 nhóm hoạt động đối với từng GV.	- Khoa KTTV; - P.TCHC	Hàng năm	
		Tiến hành phân tích công việc theo từng vị trí GV có tích hợp các khối lượng và yêu cầu công việc đổi mới chương trình và phương thức dạy - học để xác định khối lượng công việc cho GV.	Bảng kết quả phân tích công việc theo từng vị trí GV có tích hợp các khối lượng và yêu cầu công việc đổi mới chương trình và phương thức dạy - học. (MCGK.06.06.02.01, 02)	Tiếp tục đưa việc phân tích công việc theo từng vị trí GV có tích hợp các khối lượng và yêu cầu công việc đổi mới chương trình và phương thức dạy - học.	- Khoa KTTV; - P.TCHC	Hàng năm	
Tiêu chí 6.3	Đạt, 4	Rà soát văn bản quy định hoạt động tuyển dụng, điều chuyển giảng viên, nhân viên phù hợp với thực tế.	Các văn bản tuyển dụng, điều chuyển; (MCGK.06.06.03.01)	Tiếp tục rà soát văn bản quy định hoạt động tuyển dụng, điều chuyển giảng viên, nhân viên phù hợp với thực tế.	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
Tiêu chí 6.4	Đạt, 4	Xây dựng kế hoạch thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV cụ thể hơn nữa theo từng vị trí việc làm phù hợp với mỗi CTĐT.	Có KH thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV cụ thể theo từng vị trí việc làm. (MCGK.06.06.03.01) (MCGK.06.06.04.01)	Định kỳ thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV theo từng vị trí việc làm	- Khoa KTTV; - P.TCHC	Hàng năm	
Tiêu chí 6.5	Đạt, 4	Tăng cường mở các lớp tập huấn về hoạt động giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến	Thông báo căn cứ nhu cầu các đơn vị để mở lớp tập huấn. (MCGK.06.06.05.01)	Tiếp tục tăng cường mở các lớp tập huấn về hoạt động giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến.	- P.ĐT; - P.KT&ĐBCLGD	Hàng năm	
Tiêu chí 6.6	Đạt, 4	Rà soát hệ thống văn bản đề hướng đến thực hiện quản trị theo kết quả đầu ra một cách hệ thống.	- Thông báo triển khai. - Các văn bản được rà soát. (MCGK.06.06.06.01)	Định kỳ rà soát hệ thống văn bản đề hướng đến thực hiện quản trị theo kết quả đầu ra	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	

Tiêu chí 6.7	Đạt, 4	- Tăng cường trao đổi, ký kết các Biên bản ghi nhớ với các địa phương; - Triển khai các kế hoạch NCKH của địa phương; - Xây dựng mạng lưới NCKH với các đối tác.	- Biên bản ghi nhớ; - Hội thảo ứng dụng chuyển giao kết quả NCKH. (MCGK.06.06.07.01)	Tăng cường tổ chức Hội thảo ứng dụng chuyển giao kết quả NCKH nhằm xây dựng mạng lưới NCKH với các đối tác.	- Khoa KTTV; - P.KHCN&HTQT	Hàng năm	
		- Bổ sung cơ chế, chính sách đối với các nghiên cứu sinh, các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ/Tỉnh công bố quốc tế; - Khen thưởng và khuyến khích các giảng viên công bố quốc tế và tham gia viết sách có mã số ISBN, xuất bản nước ngoài; - Xây dựng kế hoạch để giảng viên tham gia trao đổi, nghiên cứu với các đối tác nước ngoài.	- Bổ sung kinh phí NCKH trong Quy chế chi tiêu nội bộ; - Kế hoạch hợp tác với các đối tác. (MCGK.06.06.07.02)	Hàng năm rà soát, bổ sung cơ chế chính sách đối với các nghiên cứu sinh, các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ/Tỉnh công bố quốc tế;	- Khoa KTTV; - P.KHTC - P.KHCN&HTQT	Hàng năm	
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên							
Tiêu chí 7.1	Đạt, 4	Rà soát lại các mẫu phiếu lấy ý kiến các bên liên quan quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV theo vị trí việc làm.	Các mẫu phiếu được rà soát. (MCGK.07.07.01.01)	Định kỳ rà soát mẫu phiếu	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Phân tích dự báo nhu cầu phát triển nhân viên theo chiến lược phát triển của Trường, của Khoa.	- Thông báo soát; - Báo cáo kết quả rà soát. (MCGK.07.07.01.02)	Thực hiện Phân tích dự báo nhu cầu phát triển nhân viên theo chiến lược phát triển của Trường, của Khoa.	- Khoa KTTV; - P.TCHC	Hàng năm	
Tiêu chí 7.2	Đạt, 4	Đa dạng các hình thức đăng tải thông báo kế hoạch và tiêu chí tuyển dụng đa dạng nhằm thu hút được nhiều người quan tâm để lựa chọn cho	- Hình ảnh, link trang website (MCGK.07.07.02.01)	Tăng cường các hình thức đăng tải thông báo kế hoạch và tiêu chí tuyển dụng đa dạng nhằm thu hút được nhiều người quan tâm.	P.TCHC	Hàng năm	

		tuyển dụng phong phú hơn trên các báo điện tử và báo giấy.					
		Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp và tính hiệu quả của chính sách chủ nhiệm lớp	- Báo cáo công tác chủ nhiệm lớp; - Tổng kết công tác CNL theo năm học. (MCGK.07.07.02.02)	Thường xuyên kiện toàn và tổng kết hoạt động CNL nhằm bám sát, triển khai các hoạt động phục vụ NH được hiệu quả.	- Khoa KTTV; - P.CTSV.	Hằng năm	
Tiêu chí 7.3	Đạt, 4	Xây dựng quy định tiêu chuẩn, năng lực đội ngũ NV gắn với VTVL trong đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ (bao nhiêu % thì được là HTNV).	- Thông báo triển khai phần mềm Nhật ký công việc KPI. - Phiếu đăng ký nhiệm vụ của khối NVHT. (MCGK.07.07.03.01)	Định kỳ rà soát quy định tiêu chuẩn, năng lực đội ngũ NV gắn với VTVL	P.TCHC	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần/02 năm.	
		Cải tiến mẫu phiếu khi khảo sát phải điền rõ vị trí việc làm và đơn vị vào mẫu phiếu.	- Thông báo khảo sát - Mẫu phiếu khảo sát; (MCGK.07.07.03.02)				
Tiêu chí 7.4	Đạt, 4	Triển khai mở các lớp tập huấn các chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý học vụ cho đội ngũ NV phù hợp với vị trí việc làm ở khoa đào tạo (giáo vụ khoa, chủ nhiệm lớp)	- Kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng; - TB tổ chức lớp; - QĐ cử đi đào tạo. (MCGK.07.07.04.01)	Định kỳ mở các lớp tập huấn các chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý học vụ cho đội ngũ NV phù hợp với VTVL	- Khoa KTTV; - P.TCHC	Hằng năm	
		Triển khai thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV	- Thông báo; - Báo cáo kết quả rà soát. (MCGK.07.07.03.02)	Thường kỳ khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV.	P.TCHC	Hằng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
Tiêu chí 7.5	Đạt, 4	Xây dựng hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.	- Kế hoạch Xây dựng hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; - Hướng dẫn việc xây dựng kế	Xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.	P.TCHC	Hằng năm	

			hoạch công tác hằng năm của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. (MCGK.07.07.05.01)				
Tiêu chuẩn 8. Sinh viên và hoạt động hỗ trợ sinh viên							
Tiêu chí 8.1	Đạt, 4	Khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và nhu cầu nguồn nhân lực. Từ đó phân tích và dự báo để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành TVH.	- Phiếu khảo sát; - Kế hoạch/Thông báo khảo sát; - Kết quả khảo sát; - Báo cáo phân tích, dự báo thị trường lao động để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành TVH. (MCGK.08.08.01.01)	Thường kỳ khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và nhu cầu nguồn nhân lực.	- Khoa KTTV; - P.ĐT	Hằng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
		Rà soát, điều chỉnh CTĐT theo yêu cầu của thị trường lao động.	Các sản phẩm của CTĐT sau khi điều chỉnh; các minh chứng khảo sát, bản tổng hợp ý kiến khảo sát của các bên liên quan, đặc biệt về yêu cầu của thị trường lao động. (MCGK.01.01.01.01, 02, 03)	Định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT theo yêu cầu của thị trường lao động.	- Khoa KTTV; - P.ĐT	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm
		Phát huy vai trò của công tác tư vấn, hướng nghiệp trong tuyển sinh.	- Các minh chứng trong công tác tư vấn, hướng nghiệp về tuyển sinh của ngành TVH; - Thành lập Ban TT và TVTS. (MCGK.08.08.01.02)	Tăng cường hơn nữa hoạt động truyền thông tư vấn, hướng nghiệp trong tuyển sinh.	- Khoa KTTV; - Ban TT&TVTS.	Hằng năm	
Tiêu chí 8.2	Đạt, 4	Tổ chức các Hội nghị về công tác tuyển sinh, khảo sát lấy ý kiến của đầy đủ các bên liên quan như: SV, GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học ... về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, từ đó điều chỉnh, bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển sinh; đa dạng hóa	- Thông báo/kế hoạch tổ chức Hội nghị về công tác tuyển sinh. - Thông báo/Kết quả khảo sát các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh. (MCGK.08.08.01.02)	Tổ chức các Hội nghị về công tác tuyển sinh, khảo sát lấy ý kiến của đầy đủ các bên liên quan như: SV, GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học ...	- Khoa KTTV; - P.CTSV	Hằng năm	
			Bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển sinh theo đặc thù	Đưa các tiêu chí và phương thức tuyển sinh theo đặc thù	- Khoa KTTV; - P.ĐT	Hằng năm	

		các hệ và hình thức đào tạo theo đặc thù của ngành TVH.	ngành TVH. (MCGK.08.08.01.01)	ngành vào Đề án tuyển sinh.			
Tiêu chí 8.3	Đạt, 4	Cần có các biện pháp hỗ trợ tích cực để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn, giảm tỷ lệ SV thôi học	- Lập bảng thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn. - Lập bảng thống kê tỷ lệ SV thôi học, nguyên nhân SV thôi học. - Sổ theo dõi, tư vấn và tìm hiểu lý do sinh viên xin thôi học. (MCGK.08.08.03.01)	Khoa cần chủ động theo dõi, bám sát và có biện pháp hỗ trợ tích cực để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn, giảm tỷ lệ SV thôi học.	- Khoa KTTV; - P.CTSV	Thường xuyên	
		Mở các học kỳ bổ sung, các đợt học lại, học cải thiện điểm.	- Thời khóa biểu - Kế hoạch đào tạo - Thông báo đăng ký học bổ sung, học cải thiện điểm (MCGK.08.08.03.02)		- Khoa KTTV; - P.ĐT	Thường xuyên	
		GVCN, CVHT và các phòng ban chức năng tăng cường giám sát, hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện ở Trường.	- Kế hoạch triển khai hoạt động giám sát tiến độ, khối lượng kết quả học tập và rèn luyện đối với người học. - Thông báo kết quả giám sát tiến độ, khối lượng kết quả học tập và rèn luyện của người học hàng kỳ và toàn khóa.. - Xây dựng phần mềm đào tạo có chức năng cảnh báo người học KQHT và RL. - Tổ chức Hội nghị tập huấn CNL, CVHT. (MCGK.08.08.03.03)	Tiếp tục tăng cường vai trò, phát huy sức mạnh GVCN, CVHT và các phòng ban chức năng tăng cường giám sát, hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện ở Trường.	- Khoa KTTV; - P.CTSV	Hàng kỳ/năm	
Tiêu chí 8.4	Đạt, 4	Xây dựng các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp để tăng khả năng tìm việc làm phù hợp với ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp.	Các văn bản, kế hoạch, ghi nhớ, thỏa thuận về các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp. (MCGK.08.08.04.01)	Tiếp tục xây dựng và gắn kết các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp để tăng khả năng tìm việc làm phù hợp với ngành đào tạo.	- Khoa KTTV; - P.CTSV	Hàng năm	

		Tăng cường tổ chức các lớp ngoại ngữ/các câu lạc bộ cho người học.	Kế hoạch/Thông báo/Quyết định học/mở các lớp/câu lạc bộ (MCGK.08.08.04.02)	Tăng cường tổ chức các lớp ngoại ngữ/các câu lạc bộ cho sinh viên.	- Khoa KTTV; - P.CTSV	Thường xuyên	
Tiêu chí 8.5	Đạt, 4	- Trồng bổ sung cây xanh trong khuôn viên Nhà trường; - Nhà trường nên nâng cấp KTX.	- Hợp đồng/ kế hoạch trồng, chăm sóc bổ sung cây xanh; - Hợp đồng/ kế hoạch nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ NH. (MCGK.08.08.05.01)	Đầu tư cho hạ tầng, cơ sở vật chất tạo môi trường sư phạm phục vụ tốt cho NH	- P.QTTB; - P.KHTC;	Hằng năm	
		- Bổ sung trang thiết bị và dụng cụ y tế; - Phần mềm quản lý phục vụ khám chữa bệnh, cấp phát thuốc cho trạm y tế.	- Quyết định/hợp đồng/Tờ trình mua trang thiết bị y tế; - Lập và sử dụng sổ điện tử về theo dõi và quản lý việc khám cấp phát thuốc một cách khoa học. (MCGK.08.08.05.02)	Tiếp tục phối hợp với y tế cơ sở tại địa phương để thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh;	P.CTSV	Giai đoạn 2025 -2026	Tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tiếp theo.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chí 9.1	Đạt, 4	Khảo sát lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất	Báo cáo phân tích kết quả khảo sát về cơ sở vật chất. (MCGK.09.09.01.01)	Thường xuyên thực hiện khảo sát, lấy ý kiến NH, CBGV trong Trường về CSV, trang thiết bị theo kế hoạch của Nhà trường.	P.QTTB	Hằng năm	
		Khảo sát cán bộ, nhân viên trong trường về cơ sở vật chất					
		Sửa chữa nền giảng đường nhà A, tạo môi trường tâm lý và cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo.	Thay gạch lát nền khu giảng đường nhà A. (MCGK.09.09.01.02)	Tiếp tục đầu tư cho cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH tương xứng với điều kiện phát triển của Nhà trường.	- P.QTTB; - P.KHTC.	Hằng năm	
		Bảo dưỡng hệ thống điều hòa trong toàn trường	Đảm bảo các thiết bị nhà trường hoạt động tốt đáp ứng học tập và NCKH của NH. (MCGK.09.09.01.03)	Tiếp tục duy trì và thường xuyên đảm bảo các thiết bị nhà trường/khoa hoạt động tốt đáp ứng học tập và NCKH của NH.	P.QTTB	Hằng năm	

Tiêu chí 9.2	Đạt, 4	Tăng cường xây dựng và thực hiện kế hoạch biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo	- Danh mục giáo trình chuyên ngành TVH được bổ sung hằng năm; - Các quyết định lựa chọn nguồn học liệu đưa vào giảng dạy tại Trường. (MCGK.09.09.02.01)	Tăng cường xây dựng và thực hiện kế hoạch biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo	- Khoa KTTV; - TT.TV&CNTT; - P.ĐT	Hằng năm	
		Số hóa tài liệu nội sinh: giáo trình, khóa luận/luận văn, sản phẩm NCKH...	Tài liệu nội sinh được bổ sung hằng năm. (MCGK.09.09.02.02)	Tiếp tục định kỳ số hóa tài liệu nội sinh: giáo trình, khóa luận/luận văn, sản phẩm NCKH...	- Khoa KTTV; - TT.TV&CNTT; - P.ĐT	Hằng năm	
		Bổ sung các kết nối CSDL với các thư viện khác	- Tài khoản truy cập CSDL các thư viện khác - Thông báo/Quyền truy cập CSDL điện tử. (MCGK.09.09.02.03)	Đa dạng, mở rộng liên kết tới nhiều nguồn CSDL.	- Khoa KTTV; - TT.TV&CNTT.	Hằng năm	
		Mua quyền truy cập CSDL hằng năm					
Tiêu chí 9.3	Đạt, 4	Đề xuất bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phòng thực hành chuyên ngành của CTĐT.	Đề xuất bổ sung CSVC, trang thiết bị cho phòng thực hành chuyên ngành của CTĐT. (MCGK.09.09.03.01)	Tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phòng thực hành chuyên ngành của CTĐT.	- P.QTTB; - P.KHTC; - Khoa KTTV	Hằng năm	
		Lấy ý kiến của giảng viên và sinh viên về hiệu quả sử dụng CSVC và trang thiết bị của tại phòng thực hành chuyên ngành của CTĐT.	Thông báo lấy ý kiến của giảng viên và sinh viên về hiệu quả sử dụng CSVC và trang thiết bị của các phòng thực hành (MCGK.09.09.03.02)	Định kỳ lấy ý kiến của giảng viên và sinh viên về hiệu quả sử dụng CSVC và trang thiết bị của các phòng thực hành, theo KH chung của toàn Trường.	- P.QTTB; - Khoa KTTV	Hằng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
Tiêu chí 9.4	Đạt, 4	Tăng cường khảo sát ý kiến GV, SV và các bên liên quan khác để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hệ thống CNTT.	Báo cáo khảo sát ý kiến GV, SV và các bên liên quan khác về đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hệ thống CNTT. (MCGK.09.09.04.01)	Định kỳ lấy ý kiến GV, SV và các bên liên quan khác về đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hệ thống CNTT.	- Khoa KTTV; - TT.TV&CNTT.	Hằng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
		Tiếp tục nghiên cứu, thí điểm triển khai các hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS	Tờ trình đề xuất thí điểm triển khai các hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS và	Tiếp tục đầu tư phát triển các hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS và LCMS.	- Khoa KTTV; - TT.TV&CNTT; - P.ĐT	Hằng năm	

		và LCMS để hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo.	LCMS. (MCGK.09.09.04.02)				
		Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống phần mềm QLĐT dùng chung trong toàn Trường	Biên bản nghiệm thu/quyết toán đưa vào khai thác sử dụng PM mới. (MCGK.09.09.04.03)	Chủ động khai thác hiệu quả PM mới.	- Khoa KTTV; - P.ĐT.		Đã hoàn thành
Tiêu chí 9.5	Đạt, 4	- Xây dựng kế hoạch/thông báo đánh giá độc hại môi trường và an toàn lao động - Nâng cấp KTX.	- Kế hoạch/ Thông báo đánh giá độc hại môi trường và an toàn lao động - Hợp đồng/kế hoạch nâng cấp KTX. (MCGK.09.09.05.01)	Định kỳ đánh giá độc hại môi trường và an toàn lao động, môi trường cảnh quan.	- P.QTTB; - P.KHTC.	Hằng năm	
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng							
Tiêu chí 10.1	Đạt, 4	Định kỳ thực hiện khảo sát, phân tích nhu cầu cụ thể của nhà tuyển dụng, SDLĐ phục vụ điều chỉnh, cập nhật CTDH và hoạt động đào tạo.	Báo cáo định kỳ về kết quả khảo sát, phân tích nhu cầu cụ thể của nhà tuyển dụng, SDLĐ phục vụ điều chỉnh, cập nhật CTDH và hoạt động đào tạo. (MCGK.10.10.10.01)	Định kỳ thực hiện khảo sát, phân tích nhu cầu cụ thể của nhà tuyển dụng, SDLĐ phục vụ điều chỉnh, cập nhật CTDH và hoạt động đào tạo.	- Khoa KTTV; - P.ĐT.	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm
		Phân tích, đối sánh, chọn lựa và sử dụng kết quả cụ thể từ phản hồi của các bên liên quan phục vụ phát triển CTDH	Báo cáo kết quả phân tích, đối sánh, chọn lựa và sử dụng kết quả cụ thể từ phản hồi của các bên liên quan phục vụ phát triển CTDH. (MCGK.10.10.10.01)	Định kỳ, đối sánh, chọn lựa và sử dụng kết quả cụ thể từ phản hồi của các bên liên quan phục vụ phát triển CTDH			
		Phân tích sâu nội dung của các CTĐT đối sánh ngoài trường phục vụ cho điều chỉnh CTĐT.	Báo cáo phân tích nội dung của các CTĐT đối sánh ngoài trường phục vụ cho điều chỉnh CTĐT. (MCGK.10.10.10.01)	Định kỳ phân tích sâu nội dung của các CTĐT đối sánh ngoài trường phục vụ cho điều chỉnh CTĐT.			
Tiêu chí 10.2	Chưa đạt, 3	Tổ chức tập huấn cho các đối tượng tham gia vào các quy trình xây dựng, rà soát điều chỉnh CDR và CTĐT; đồng	- Kế hoạch/biên bản các buổi tập huấn về xây dựng, rà soát điều chỉnh CDR và CTĐT; - Định kỳ rà soát sản phẩm,	Thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT, CTDH, ĐCCT học phần theo quy định của Bộ GDĐT.	- Khoa KTTV; - P.ĐT.	Theo kế hoạch rà soát/cập nhật CTĐT.	Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm

		thời có các biện pháp giám sát việc thực hiện các quy trình tại các Khoa, đảm bảo các bước được thực hiện đầy đủ, sự phối hợp giữa các bộ phận tham gia được hiệu quả.	báo cáo tiến độ, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện. (MCGK.10.10.02.02)				
		Xây dựng và thực hiện quy trình rà soát, đánh giá một cách chủ động, bài bản và hệ thống mức độ phù hợp, tính hiệu quả của các quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã ban hành để cải tiến.	- Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được cải tiến. - Biên bản tổng hợp góp ý của các bên liên quan về quy trình dự thảo. (MCGK.10.10.02.01)				
Tiêu chí 10.3	Đạt, 4	Tăng cường đơn đốc, nhắc nhở SV tham gia khảo sát	- Tỷ lệ tham gia khảo sát của SV cao.	Tiếp tục định kỳ đánh giá kết quả người học thông qua đó gián tiếp đánh giá độ khó, độ phân loại,... của đề thi.	- Khoa KTTV; - P.ĐT; - P.KT&ĐBCLGD	Hàng kỳ	
		Định kỳ đánh giá kết quả người học thông qua đó gián tiếp đánh giá độ khó, độ phân loại,... của đề thi.	- Báo cáo phân tích kết quả người học. (MCGK.10.10.03.01)				
		Khoa KTTV, BM tổ chức đánh giá mức độ đạt được các CĐR của từng học phần, qua độ đánh giá gián tiếp mức độ đạt được CĐR của toàn bộ CTDH	Đã xây dựng 02 văn bản hướng dẫn đánh giá mức độ đạt được CĐR của chương trình của ngành. (MCGK.10.10.03.02)				
Tiêu chí 10.4	Đạt, 4	Bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích GV, SV tham gia nghiên cứu khoa học.	Được bổ sung kinh phí trong Quy chế chi tiêu nội bộ. (MCGK.10.10.04.01)	Hàng năm rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích GV, SV tham gia nghiên cứu khoa học.	- P.KHTC; - P.KHCN&HTQT	Hàng năm	
		Có cơ chế hỗ trợ SV tham gia các cuộc thi trong và ngoài nước.					
		- Phổ biến các loại hình NCKH đến SV;	- Bổ sung kế hoạch hàng năm về các loại hình NCKH SV;				

		- Tăng cường hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi NCKH trong và ngoài nước. (MCGK.10.10.04.01)	- Bổ sung kinh phí hỗ trợ SV tham gia các cuộc thi NCKH. (MCGK.10.10.04.01)				
		- Bổ sung các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH SV trong và ngoài nước; - Hình thành dữ liệu đội ngũ chuyên gia, giảng viên định hướng NCKH SV. (MCGK.10.10.04.02)	- Dữ liệu chuyên gia, giảng viên định hướng NCKH; - Các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH SV trong và ngoài nước. (MCGK.10.10.04.02)	Tiếp tục bổ sung các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH và HT trao đổi SV trong và ngoài nước.	- Khoa KTTV; - P.KHCN&HTQT	Hằng năm	
		Tổ chức các hội đồng đánh giá và xác thực mức độ ứng dụng của các đề tài nghiên cứu trong việc cải tiến các hoạt động dạy và học của CTĐT. (MCGK.10.10.04.03)	Thành lập các hội đồng đánh giá và xác thực mức độ ứng dụng của các đề tài nghiên cứu trong việc cải tiến các hoạt động dạy và học của CTĐT. (MCGK.10.10.04.03)				
Tiêu chí 10.5	Đạt, 4	Điều chỉnh nội dung câu hỏi khảo sát, nên có các câu hỏi mở, cải tiến cách hỏi về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Câu hỏi mở khảo sát được bổ sung. (MCGK.10.10.05.01)	Định kỳ rà soát các mẫu phiếu sau các lần khảo sát. Có báo cáo trong đó đánh giá tính hiệu quả các định hướng hành động.	- TT.TV&CNTT (phụ trách về câu hỏi khảo sát hệ thống CNTT, phòng thực hành máy tính và thư viện); - TT.DVTH (phụ trách về câu hỏi khảo sát ký túc xá, dịch vụ ăn uống, trông giữ xe); - P.QTTB (phụ trách về câu hỏi khảo sát CSVC); - Khoa KTTV (phụ trách về câu hỏi khảo sát về dịch vụ tại phòng thí nghiệm, thực	Hằng năm	Theo KH hoạt động khảo sát chung của Trường
		Xây dựng giải pháp/hành động khả thi cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và CSVC của Trường, trên cơ sở kết quả khảo sát.	Báo cáo khảo sát các dịch vụ hỗ trợ (trong đó có nêu rõ giải pháp/hành động khả thi cải tiến chất lượng các dịch vụ này). (MCGK.10.10.05.02)				

					hành, phòng máy được giao).		
Tiêu chí 10.6	Đạt, 4	Rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan: - Mức độ phù hợp, tính hiệu quả của bộ công cụ; - Cách thức thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng báo cáo; - Cơ chế phối hợp giữa P.KT&ĐBCLGD với các đơn vị thực hiện khảo sát ; - Quy định/cơ chế sử dụng kết quả khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng và ra quyết định.	- Kế hoạch rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan; - Biên bản kết quả rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi; - Quy định cơ chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sau rà soát; - Bộ công cụ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đã được cập nhật). (MCGK.10.10.06.01)	Định kỳ rà soát đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, nhằm sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng và ra quyết định.	P.KT&ĐBCLGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần /02 năm.	
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra							
Tiêu chí 11.1	Đạt, 4	Những giải pháp thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV bỏ học giúp nâng cao chất lượng đào tạo.	- Bảng thống kê tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp của các khóa - Bảng thống kê số lượng, thời điểm, nguyên nhân SV bỏ học - Sổ theo dõi, tư vấn và tìm hiểu lý do sinh viên xin thôi học. (MCGK.11.11.01.01)	Thường xuyên có giải pháp thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV bỏ học giúp nâng cao chất lượng đào tạo.	- Khoa KTTV; - P.ĐT; - P.CTSV	Hằng năm	
Tiêu chí 11.2	Đạt, 4	Các giải pháp hiệu quả để hạn chế việc SV các khóa chưa tốt nghiệp.	Trên cơ sở bảng thống kê tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp các khóa, khoa/Trường có các giải pháp cụ thể để hạn chế việc SV các khóa chưa tốt nghiệp. (MCGK.11.11.01.02)	- Tăng cường hơn nữa vai trò CVHT, CNL; - Thường xuyên tổ chức các lớp học cải thiện, học tiến độ nhanh cho SV có nhu cầu.	- Khoa KTTV; - P.ĐT; - P.CTSV	Hằng năm	
		Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành TVH với các CTĐT của các trường khác ở trong và ngoài nước. Từ đó phân tích kết	Báo cáo so chuẩn đối sánh cấp CTĐT ngành TVH, trong đó có chỉ số đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành TVH giữa các năm và với các	Định kỳ thực hiện so chuẩn, đối sánh CTĐT theo KH của Nhà trường (bám sát Thông tư 01/2024/BGDĐT)	- Khoa KTTV; - P.ĐT; - P.CTSV	Hằng năm	Theo KH so chuẩn, đối sánh CTĐT chung của

		qua đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT.	trường khác. (MCGK.11.11.02.01)				Trưởng
Tiêu chí 11.3	Đạt, 4	Trang bị các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của Nhà tuyển dụng, tăng tỷ lệ SVTN làm việc trong các lĩnh vực phù hợp với ngành nghề đào tạo.	- Tổ chức các lớp kỹ năng mềm, các buổi tọa đàm nghề nghiệp/thị trường lao động; - Các văn bản, kế hoạch, ghi nhớ, thỏa thuận về các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp. (MCGK.11.11.03.01)	Trong giai đoạn tiếp theo, tiếp tục mở các lớp kỹ năng mềm, các buổi tọa đàm nghề nghiệp/thị trường lao động.	- Khoa KTTV; - P.CTSV	Hàng năm	
		Xây dựng các hoạt động tư vấn, kết nối doanh nghiệp để tăng khả năng tìm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp					
Tiêu chí 11.4	Chưa đạt, 3	Bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích GV, SV tham gia nghiên cứu khoa học.	Được bổ sung kinh phí trong Quy chế chi tiêu nội bộ. (MCGK.11.11.04.01)	Hàng năm rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích GV, SV tham gia nghiên cứu khoa học.	- P.KHTC; - P.KHCN&HTQT	Hàng năm	
		Có cơ chế hỗ trợ SV tham gia các cuộc thi trong và ngoài nước.					
		- Phổ biến các loại hình NCKH SV; - Tăng cường hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi NCKH trong và ngoài nước.	- Bổ sung kế hoạch Hàng năm về các loại hình NCKH SV; - Bổ sung kinh phí hỗ trợ SV tham gia các cuộc thi NCKH. (MCGK.11.11.04.02)	Tiếp tục bổ sung các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH và HT trao đổi SV trong và ngoài nước.	- Khoa KTTV; - P.KHCN&HTQT	Hàng năm	
		- Bổ sung các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH SV trong và ngoài nước; - Hình thành dữ liệu đội ngũ chuyên gia, giảng viên định hướng NCKH SV.	- Dữ liệu chuyên gia, giảng viên định hướng NCKH; - Các kế hoạch tham gia các cuộc thi NCKH SV trong và ngoài nước. (MCGK.11.11.04.03)				
Tiêu chí 11.5	Đạt, 4	Rà soát các mẫu phiếu lấy ý kiến khảo sát.	Bộ mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đã được chỉnh sửa 5 bậc đánh giá	Định kỳ rà soát đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, nhằm sử dụng có hiệu	P.KT&ĐBCLGD	Định kỳ rà soát ít nhất 01 lần /02 năm.	

			thang Likert, cập nhật nội dung mẫu phiếu) (MCGK.11.11.05.01)	quả kết quả khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng và ra quyết định.			
		Điều chỉnh quy định trong đó quy ước thang Likert 5 bậc và thống nhất trong trường	Quy định lấy ý kiến phản hồi được cập nhật, điều chỉnh. (MCGK.11.11.05.02)				

cải tiến theo từng tiêu chí là Danh mục mã minh chứng tại Phụ lục II).

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy